

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|----------------|
| — Dự luận chân chính. | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Tình hình kỹ-ghệ Đông-Dương
trong hai năm vừa qua. | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Ba cuốn tiểu thuyết Pháp hiện đại | LÊ HUY VÂN |
| — Cuộc tiến hóa của nền tư bản Âu-
tây. | VŨ VĂN HIỀN |
| — Ả Q chính truyện (liếp theo) | ĐẶNG THÁI MAI |
| — Óc khoa học của một vài người. | ĐÌNH GIA TRINH |
| — Thi. | HƯƠNG MINH |
| — Xã hội Việt-nam từ thế - kỷ thứ
XVII. | NG. TRỌNG PHẤN |
| — Đọc sách mới. | P. Q. |
| — Việc quốc tế | Đ. Đ. D. |

DU' LUẬN C HÂN CHÍNH

KHÔNG lúc nào cần như lúc này, người tri-thức Việt-nam phải gây lấy một dư-luận chân-chính cho dân chúng.

Là vì bao giờ dư-luận công chúng cũng như một quan tòa, một ông thầy có uy-thế, cần thiết để kiểm sát, để hướng dẫn một cách hiệu-quả hành-vi của mọi người. Không ai còn có thể chối cãi được sức mạnh của dư-luận, Từ xưa người ta đã biết « bìa miệng » đáng sợ hơn « bìa đá ». Một tác giả Pháp có nói : — « Không bao giờ người ta nói cho suề rằng những quyền lực ngạo-mạn đến bậc nào rồi cũng phải ngã chiều theo dư-luận như ngọn lửa trước gió. » Ta có thể nói hơn nữa : dư-luận vì như một bản vị đo lường tinh thần đạo đức một dân-tộc, cao hay thấp, mạnh-mẽ hay suy-nhược. Một dư-luận phân-minh, chân-chính, chắc chắn là phát biểu của một tinh-thần cao-quý, cường-tráng ; một dư-luận mê-muội, phân-vân, tất nhiên là phát-biểu của một tinh-thần đồi-bại, yếu hèn.

Thế mà dù ta lạc quan đến bậc nào chẳng nữa, ta cũng phải nhận rằng tinh-thần dân-tộc Việt-nam đang qua một cơn khủng-hoảng, tới bước suy-vi. Lỗi tại đâu ? Nguyên-nhân kể ra thì nhiều và phức tạp, nhưng một phần không nhỏ là ở chỗ dư-luận dân-chúng bị lằm-lạc, không còn là một quan tòa nghiêm-ngộ, một ông thầy chân-chính và sừng-dáng nữa. Nói thế không phải là ngày nay mới xảy ra như vậy. Từ xưa đã có nhiều người mạt-sát và kết án dư-luận. Họ cho rằng dư-luận của đám quần chúng vô danh, không tổ-chức, thường là nhầm lẫn, dui mù và tai-hại. Mà thực vậy. Dư-luận có thể nhầm : kẻ đáng khinh thì trong-vọng, người nên khen thì lãnh-dạm hoặc chê bai ; việc phải cho là trái, đ.ều đ.ở nói rằng hay. Những ý-kiến của một Nguyễn trường Tộ, những phát minh của một Galilée, phải đâu đã được người đương thời thừa nhận, mà họ còn mai-mả chê cười, cho là ngông-cường đồ-dại. Người ta lại thường lấy làm nực cười những kẻ giữa thời loạn-ly đơn bạc mà nói chuyện hòa-bình và nhân-nghĩa, giữa buổi đời vật-chất được mọi người phụng

thờ mà nói chuyện tinh-thần hoặc bàn nghĩa duy - tâm, Dư-luận mù quáng lằm lạc như thế thực tai hại vô cùng : những kẻ lằm lạc, a dua, xu thời, ngang nhiên hoạt-động, không một cái gì kiềm-chế hành-vi của họ ; đến những người có công tâm, muốn làm điều hay thì ngại-ngùng, lo sợ người khác hiểu lầm, rồi có khi thất vọng. Còn có gì bất công và đáng chán hơn là làm điều hay và ngay thẳng, với một tấm lòng trung-trực mà bị dư-luận của đồng bào ngờ vực và lãnh-dạm, Có khác chi một làn nước lạnh rơi lên tâm-hồn... Giận thay thiên-hạ, thương thay Khuất Nguyên ! Muốn ngàn năm khúc Ly Tao sẽ còn rền rĩ trên sỏi Mịch-La !

Vẫn biết rằng người ta phải đề lên trên sự tôn-trọng của người khác lòng tự-trong của chính mình, và sự tán thành của lương tâm chẳng đủ kích-thích người ta làm điều phải hay sao. Hơn nữa phải có can-dảm, nghị lực phi thường mới đi ngược lại được dư-luận, như Jésus-Christ, như Không-Khẩu, như Mạc-Địch. Nhưng thái-độ của bậc việt-nhân đâu phải của người thường. Và lại sự tán-thành của quần chúng cần thiết cho sự thành công của nhiều việc. Dù sao, đại đa số người ta vẫn phải dựa vào dư luận để hành-động ; nếu dư-luận chân-chính người ta sẽ đưa làm điều hay, nếu dư luận đồi-bại, mờ hồ, người ta sẽ hoặc nản lòng, hoặc, như đàn cừu của gã Panurge, nhắm mắt đua theo điều d.ở. Thế rồi nhân sự tr. ngại của dư-luận, sẽ có những kẻ thừa cơ dùng quyền lực cường-bạo, dùng mưu kế quỷ-quyết để lợi dụng lòng người. Có người đã nói « lời s.òn s.ào của quần chúng chính là đồ ăn của kẻ có lòng tham-vọng : y lắng nghe lời kia, y phân tách từng chi-tiết, y tự phòng lên hay d.ặt đi tùy theo những hơi-thở bên ngoài » Napoléon hay Tần-Thủy-Hoàng chẳng đã dựng nghiệp đế trên mỗi phán v.ân bất định của thiên hạ đó dư ?

Nói tóm lại, dư luận đã nhiều khi sai lầm, không chỉ mấy giờ. Nhưng, ngày nay, chúng

Đồ đức Đức

cho dư-luận... Rồi một phần đông kẻ dưới, bị qu.ing lừa vì thế lực đồng tiền, nhắm mắt đua theo, a dua xiêm-nịnh, lựa

gió theo chiều, gây nên một dư-luận bất-chính, huyền-hoặc.... Thực là một cảnh-lượng đáng buồn và đáng sợ ! Trong khi đó một số rất ít người tri-thức, còn giữ được chút lương tâm, còn biết lo đến tiền đồ của n.òi-giống, lấy làm hổ thẹn thay, và chán ngán, và lãnh-dạm, mặc người và việc quanh mình, đến bỏ g.ối khoanh tay chỉ biết thở dài.

Nhưng đột-nhiên, L.ang sùng nổ bên tai nhắc đến chuyện sống còn. Số ít người kia chợt thức tỉnh, những phần tử giác - ngộ cảm thấy cái vô-lý của thái-độ tiêu-cực. Phải hoạt - động, phải đứng lên s.ây đắp lại tòa nhà gần đổ nát. Không thể không được, chẳng bao lâu nó sẽ đổ l.ên chính đầu mình ! Nói về dư-luận quần chúng Marc Aurèle đã khuyên ta rằng : « Anh hãy giáo-hóa họ đi nếu có thể được ; nếu anh không giáo-hóa được, anh hãy chịu - đựng họ ». Lẽ tất nhiên là thế. Một chế-đ.ộ độc-đoán, cường - bạo thiết lập nhờ sự nghi - hoặc, phân-vân và mơ-hồ của dư-luận, nếu người ta không làm sáng tỏ được dư-luận kia thì sự phản - kháng, chống-choi cũng bằng thừa... Người ta đành phải chịu sự đè nén của bạo-quyền...

Xong, soi sáng dư-luận không phải công việc dễ dàng. Biết bao nhiêu trở - lực ! Những hạng vô-lương - tâm vẫn hằng lợi-dụng sự ngu - muội của kẻ khác đâu có để ta yên mà mở mắt cho đám dân hèn !... Mặc dầu, ta phải can-dảm và kiên-nhẫn. Và phải hoạt-động khôn khéo. Trước hết ta phải thận-trọng hành vi và ngôn-ngữ của chính ta. Ta cần phải làm mực-thước cho người khác. Không để cho một sức mạnh bên ngoài nào lung lạc được tư tưởng của mình. Một phán đoán ở miệng ta đã thốt ra là phải chính - đáng phân - minh. Không bao giờ ta định giá - trị của một người hay một việc một cách hàm-hồ, thiếu suy-nghĩ. Nếu vì một lẽ gì ngoài ý-muốn của ta, ta phải d.ề-dặt trong sự chỉ-trích điều d.ở tổ cáo

(Xem tiếp trang 29)

TÌNH HÌNH KỸ-NGHỆ ĐÔNG-DƯƠNG

IV. — Kỹ-nghệ làm đồ kim-khí

NGÀY trước bao nhiêu đồ kim khí từ các thứ máy móc, dụng cụ, khí cụ, cho đến cái kim, cái đinh đều mua ở nước ngoài, . . . chỉ chuyên việc gìn giữ hoặc sửa chữa các đồ dùng. Nay vì sự nhập cảng về đồ kim khí hầu bị ngừng hẳn, và như ở các kỹ nghệ đúc gang, đồng, chì, thiếc, antimoine... đã có đời chủ kết quả (xem đoạn I nói về kỹ nghệ nặng trong bài kỳ trước) các kỹ nghệ kim khí ở Đông Dương đã sản xuất được ít nhiều đồ dùng và máy móc dân dụng như cửa, ổ khóa, bộ phận máy ô tô, bộ phận xe đạp, máy chạy hơi than.. v. v. Máy chạy hơi than (gazogène) là một kỹ nghệ phẩm đáng chú ý. Bắt đầu làm việc từ năm 1940, năm 1941 người ta đã sản xuất được 590 bộ máy, đến juillet 1942, số sản xuất lên tới 2917, khiến cho vấn đề vận tải đã giải quyết được một phần lớn

Trong những xưởng kỹ nghệ kim khí quan trọng nhất, người ta có thể kể tới, ngoài những xưởng ô tô lớn : ở Haiphong, công ty S.A.C.M. (Société anonyme de constructions mécaniques) xưởng Combel, xưởng Dancette; ở Hanoi, xưởng Berset (làm xe đạp) và ở Saigon, công ty F.A.C.I. (forges, ateliers et chantiers d'Indochine).

Nhà máy đúc kềm ở Quảng Yên đã dựng một xưởng làm những thỏi kềm dùng trong các hòm phát điện.

Tuy nhiên những kỹ nghệ này chỉ mới giải quyết được trong muôn một sự cần dùng trong xứ về các đồ kim khí (các nhà tiểu công nghệ cũng giúp sức vào nhưng không thấm vào đâu) vì lẽ thứ nhất là các kim chất (gang, thép, đồng chì...) đúc được chỉ có hạn và nhờ thứ hai mạnh hơn, là thiếu máy móc: căn bản để biến chế kim chất thành những tạo phẩm, những máy do kỹ nghệ nặng sản xuất.

V. — Kỹ-nghệ dệt

DỆT VẢI

Kỹ nghệ dệt (và công nghệ dệt) ở vào một tình cảnh nguy khốn vì thiếu nguyên liệu, gây một

vấn đề tối quan hệ đến đời sống dân chúng: vấn đề áo mặc.

Tất cả dân Đông Dương phải cần dùng 22.000 tấn vải (1) trong năm 1939 trong số đó 8.000 tấn là vải nhập cảng mua ở Pháp và Pondichery còn 14.000 tấn là vải dệt trong xứ : 3.000 tấn do nhà máy Nam định dệt, còn 11.000 tấn do thợ công nghệ ở các làng dệt dùng 60.000 khung cửi, nghĩa là hơn 3 phần 4 số vải dệt là hàng của, tiểu công-nghệ.

Số sợi dùng, một phần nhỏ (1.260 tấn) mua thẳng ở nước ngoài, còn hầu hết do hai nhà máy (2) trong xứ sản xuất bằng bông sống nhập cảng; năm 1939 hai nhà máy đó đã dùng 14.000 tấn bông sống nhập cảng để kéo được 11.000 tấn sợi

Bông sống của Đông Dương sản xuất được (bông Cao mên) chỉ có 286 tấn (năm 1940) nghĩa là chưa đầy 2 phần trăm số bông cần dùng.

Nay bông sống và sợi không nhập cảng được nữa, sức sản xuất của các nhà máy dệt tất nhiên bị sút hẳn xuống; năm 1940, còn được 10.400 tấn sợi đến đầu năm 1942 còn có 1507 tấn, so với 11 000 tấn năm 1939 tức là chỉ còn chưa đầy 1 phần 7 hồi trước.

Số sợi sản xuất sút hẳn đi, công nghệ dệt vải ở các làng hầu bị tê liệt (Tình cảnh đó tôi đã nói trong các bài trước viết về tình hình tiểu công nghệ : T. N. số 34 35 và 39).

Việc giồng bông vì thế đã thành một vấn đề kinh tế và xã hội tối quan trọng. Chính phủ đã chú ý đặc biệt đến việc ấy và khuyến khích dân chúng giồng bông, phân phát hạt giống và đặt giải thưởng.

Ở Cao mên, việc giồng bông lấy hạt giống đương được tổ chức trên những khoảng đất rộng. Năm 1941, người ta đã gieo hạt giống lần thứ nhất trên 30 mẫu tây đất đỏ, năm 1942, gieo hạt giống lần thứ hai trên 300 mẫu tây.

Vụ hái năm 1942 có thể cung cấp được 100 tấn hạt giống dùng để gieo trong năm 1943 trên 6.000 mẫu tây nhiều nhất ở Cao Mên và miền nam Trung-kỳ. Cuối năm 1941 người ta đã phỏng lượng số bông sản xuất năm ấy chừng 400 tấn và năm 1942 chừng 2 000 tấn, so với 14.000 tấn bông sống hồi xưa nhập cảng mới chỉ là 1 phần 7,

(1) 22.000 tonnes.

(2) Société Cotennière du Tonkin và Société des Fileries de l'Indochine.

DỆT LỤA. — Xứ Đông Dương mỗi năm dùng tới 2.350 tấn (tonnes) lụa bằng tơ tằm và tơ nhân tạo, trong đó có 900 tấn lụa nhân tạo nhập cảng, 450 tấn lụa nhân tạo và 1.000 tấn lụa tơ tằm dệt ở trong xứ (năm 1939).

Trong số 1.000 tấn lụa tơ tằm dệt ở trong xứ chỉ có 90 tấn dệt bằng máy, do hai công ty sản xuất, Công ty Delignon và « Société Franco-Annamite pour le tissage de la soie » nghĩa là hơn 9 phần mười số lụa dệt là hàng của tiểu công nghệ.

Tơ tằm cần dùng một phần nhỏ (100 tấn) là trong xứ sản xuất được còn từ 800 đến 900 tấn, phải mua ở ngoài.

Đến nay (năm 1942) số tơ tằm nhập cảng sụt đi chỉ còn độ 200 tấn (1 phần tư ngày trước), tuy số tơ nội hóa tăng từ 100 tấn đến 200 tấn, nghề dệt lụa tơ tằm cũng bị sụt đi một nửa ngày trước.

Tơ nhân tạo nhập cảng năm 1939 là 460 tấn, năm 1940 thiếu hẳn vì không mua được ở bên Pháp, đến năm 1942 lại mua được ở bên Nhật ;

vai nhiều. Vì vậy số nguyên liệu nhập cảng tuy có khan nhưng cũng còn có thể cung cấp tạm đủ cho các khung cửi.

2) Kỹ nghệ dệt lụa không quan trọng bằng kỹ nghệ kéo sợi và dệt vải. Số vải dệt bằng máy bằng một phần ba số vải của tiểu công nghệ mà số lụa do kỹ nghệ sản xuất chỉ bằng 1 phần 10 số lụa dệt ở các làng. Sau nữa, gần hết số sợi cần dùng trong nghề dệt vải là do các nhà máy xuất sản bằng bông nhập cảng. Vì vậy, ta có thể nói kỹ nghệ dệt lụa không bị khủng hoảng bằng kỹ nghệ dệt vải.

ĐAY, GAI, BÔNG GẠO. — Vì thiếu sợi bông, người ta đã biến chế những thứ sợi khác, gai, day, bông gạo và đã dệt thành những thứ vải dùng được. Song số vải dệt bằng những thứ sợi mới này vẫn chưa thâm vào đâu.

Đông Dương lại còn cần dùng mỗi năm 20.000 tấn bao bằng day.

Việc giồng day ở Bắc kỳ có thể cung cấp được 1800 tấn day sống, số đó tuy còn xa mới đủ được số cần dùng nhưng cũng đã hơn xưa nhiều

TRONG HAI NĂM VÙ'A QUA ⁽¹⁾

VŨ ĐÌNH HÒE

đầu tháng Octobre 1942 số tơ mua được lên tới 300 tấn; như vậy số tơ nhân tạo mua được tính đến cuối năm có thể tới 400 tấn, nghĩa là không thiếu lắm như tơ tằm. Một thứ sợi nhân tạo mua ở bên Nhật bản gọi là *staple fibre*, mới dùng trong nghề dệt từ năm 1942, đã được chế tạo thành 325 tấn vải tính đến đầu tháng Octobre 1942.

Đem so sánh nghề dệt lụa với nghề dệt vải, ta nhận thấy:

1.) Nghề dệt lụa không bị thương tổn lắm như nghề dệt vải, vì số nguyên liệu dùng ở nghề trên này còn bằng một nửa ngày trước (1) mà số sợi dùng để dệt vải chỉ bằng 1 phần 7 hồi xưa. Ta nên nhận rằng số nguyên liệu nhập cảng dùng trong nghề dệt vải (bông và sợi: 15.000 tấn) gấp hơn mười lần số nguyên liệu nhập cảng dùng trong nghề dệt lụa (1.360 tấn) nghĩa là số người dệt lụa xưa nay vẫn ít hơn số người dệt

lụa: trước hồi chiến tranh mỗi năm người ta chỉ giồng được vài trăm tấn day.

Công ty Société commerciale Asiatique đã làm những bao tải bằng sợi vỏ dừa.

VI. — Kỹ-nghệ nông-sản và lâm-sản.

XAY GẠO. — Các nhà máy xay gạo ở Nam kỳ mỗi năm xay chừng ba triệu tấn thóc và dùng 7.000 thợ chuyên môn, 17000 thợ thường. Nhưng sự hoạt động của các nhà máy đó cũng bị sụt kém vì thiếu một vài thứ vật liệu (ciment magnisien, sel magnisien) và một vài bộ phận máy móc (mạng sắt và dây đai phải mua ở ngoài).

Năm 1940, số gạo máy và tấm xuất cảng là 1.587.000 tấn : năm 1941 sụt xuống 950.871 tấn.

ĐƯỜNG. — Đông Dương tiêu thụ mỗi năm hơn 20.000 tấn đường , do hai nhà máy trong xứ sản xuất, công ty Sucreries et Raffineries de l'Indochine và Société Sucrière d'Annam.

(1) Trong bảng biên kết quả cuộc điều tra tình hình nghề dệt lụa ở vài làng Hắc Đông, đang trong T. N. số 39 ta nhận thấy những con số tương tự như thế: số hàng sản xuất ngày nay bằng khoảng một nửa ngày trước.

RƯỢU. — Kỹ nghệ cất rượu hoạt động hơn xưa, vì ngoài số rượu uống lại còn sản xuất các thứ cồn đốt máy (xem bài kỹ trước). Tất cả rượu và cồn cất được trong mấy năm gần đây là:

1938: 433.000 hl; 1939: 474.000 hl; 1940: 524.000 hl; 1941: 595.000 hl. Về rượu bia các nhà máy đã tìm được cả h làm mạch nha, việc sản xuất vì thế không bị đình trệ.

GIẤY. — Mỗi năm Đông Dương dùng 15000 tấn giấy, hầu hết là giấy nhập cảng, lên tới con số 12000 tấn (1939).

Một phần nhỏ 3000 tấn là giấy nội hóa do nhà máy và công nghệ sản xuất. Kịp có chiến tranh giấy ngoại quốc không vào được, nhà máy Đáp cau và Việt trí của công ty làm giấy ở Đông Dương hoạt động gấp bội và năm 1941 sản xuất được 4.280 tấn

Vì vậy công nghệ làm giấy bản đã tăng sức hoạt động gấp bội để bù vào một phần số giấy thiếu: năm 1920, các làng ta chỉ làm được chừng một nghìn tấn, thì tới năm 1939 số sản xuất tăng lên 1.400 tấn, năm 1952: 2.500 tấn và năm 1943 có thể tới 3.000 tấn.

DIỆM. — Các nhà máy diêm từ năm 1939 đến năm 1941 vẫn tăng số sản xuất, năm 1939: 324 triệu bao, năm 1941: 352 triệu bao.

Nhưng bắt đầu từ năm 1942, sức hoạt động bị sút vì thiếu một chất hòa học cần dùng, chất chlorate de po.asse

HÓA PHẨM BẰNG CAO SU. — Các đồn điền cao su phải rút bớt hoặc để trơ tại một phần số nhựa cao su sản xuất, vì không xuất cảng được, và chính phủ đã phải cho một vài nhà vay tiền theo số nhựa để trữ, để giúp họ đợi lúc bán được hàng. Trái lại kỹ nghệ làm những đồ bằng cao su đã tăng sức hoạt động để làm những đồ vật cần dùng không mua được ở ngoài

Hãng Labbé ở Saigon chế được nhiều đồ dùng trong nhà như: dây đai bằng cao su, — ống cao su, — đồ vật đúc bằng cao su mềm và cứng, — lá cao su, vòng cao su để nối, — vai không thấm nước, — đồ dùng về việc mờ sê, — lốp và ruột bánh xe đạp, xe tay.

Nhờ sự giúp sức của các nhà kỹ nghệ trong xứ cung cấp những vật cần dùng như vôi lót và những thứ phụ tùng như đầu van (valves) mà trước kia phải nhập cảng, sức sản xuất đã tăng lên nhiều. Năm 1940 tất cả các hàng làm ra lượng

được chừng 1.120 tấn, năm 1942: lên 1720 tấn; năm 1939, làm được 153.650 lốp xe đạp, năm 1942 được 440.000 chiếc. Bắt đầu từ giữa năm 1942 hãng Labbé và Liandrat (Saigon) đã làm được ruột bánh ô tô và số sản xuất có thể đủ cho số cần dùng. Tuy nhiên người ta đã tìm được cách sửa và lại những lốp cũ (rechapage). Hồi tháng novembre 1942, hãng Labbé đã bắt đầu làm công việc ấy bằng một cái khuôn mà các bộ phận đều đã đúc ở xưởng may của số Hỏa xa ở Saigon, còn hai hãng nữa chuyên làm việc đó: hãng Tân Lợi ở Chợ lớn và hãng Lê văn Hậu ở Saigon. Hãng sau này, có 32 cái khuôn và mỗi ngày và được 15 cái lốp và sửa được 20 chiếc. Ở Hanoi, hãng Girardot có 8 cái khuôn có thể sửa và những lốp ô tô to nhỏ đủ các hạng (1).

Việc sửa và lại lốp ô tô chỉ có thể làm được khi lốp không cũ quá. Vì vậy việc đó chỉ mới giải quyết một nửa vấn đề và người ta vẫn cố gắng tìm cách làm lốp mới.

(Xem tiếp trang 10)

(1) Xem bài: « Le rechapage des pneus d'autos » trong báo Indochine 1er Avril 1943.

SẼ XUẤT BẢN;

LA SƠN PHU TỬ

của HOÀNG-XUÂN-HÃN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

QUYỀN THỨ BA

Một lối yêu

TRONG cuốn « Về phía nhà ông Swann », đoạn giữa nhận đề là « Câu chuyện Swann yêu » chính là chỗ đề Marcel Proust giải bày quan niệm của mình về ái-tình. Quyền tiểu-thuyết nhỏ nhỏ ấy đã được một nhà văn có tiếng là André Maurois tóm tắt, giải thích trong một bài diễn-văn đọc ở Cao-Học Viện des Annales năm xưa. Bài đó có đăng trong tạp chí Conférencis (1), thật đã rạch ròi tỉ mỉ.

Chúng tôi tưởng không gì tốt hơn là lược dịch ra để độc giả T. N. cùng thưởng thức.

Có những nhà văn như Mme de la Fayette trong cuốn « Công-chúa de Clèves » hay Jean Jacques Rousseau trong cuốn *Héloïse* coi ái-tình có một giá-trị tuyệt đối. Rousseau không bao giờ tự hỏi rằng Saint-Preux có thật yêu Julie, tại sao họ yêu nhau, Saint-Preux có thể yêu người khác được không. Mme de la Fayette cũng vậy, cũng không bao giờ tưởng tượng rằng Công chúa de Clèves lại vì tình cờ mà yêu ông de Nemours; bà nói rõ ông ta là một vị quý-phái đáng yêu nhất trong triều. Hai nhà văn cùng muốn tỏ ra rằng Công-Chúa de Clèves với Julie mà được yêu chính vì thật đáng yêu: đẹp có, thông minh có, hoàn toàn đáng làm nhân-vật tiểu-thuyết.

Stendhal, hoài nghi hơn, bắt đầu tháo bộ máy ái-tình ra từng mảnh: ông xem xét cách kết-tình và biết rằng nếu vào trường hợp khác thì Julien chẳng yêu Mathilde mà Fabrice cũng chẳng yêu Clélia. Những nhân-vật của nhà văn này tiếng thế vẫn là những nhân vật lý tưởng, vẫn còn hoàn-toàn hơn các thiếu phụ thật.

Proust thì cho rằng ái-tình có thật, tình yêu quả mạnh mẽ, người yêu quả có đau khổ. Nhưng trái với Mme de la Fayette và Rousseau ông nhất định không tin rằng ái-tình sẽ dĩ mạnh mẽ, dữ dội là vì những kẻ vương trong vòng có những tính-nết đặc biệt. Ông cho ái-tình là một bệnh không tránh được, rất đau đớn, căn-nguyên không hiểu tự đâu. Một cơn vi-trùng nhỏ có thể gây ra một cơn sốt dữ dội thì một thiếu-phụ tâm-thương, không có gì đáng kể, cũng có thể làm cho ta đau khổ. Bệnh ái-tình đó, Proust nhiều lần đem tả các chứng phát ra, cách tiến-hóa và cách chữa, rành rọt không ai bằng.

(1) Số 15 Février 1936.

== BA CUỐN ==

TIỂU-THUYẾT

PHÁP HIỆN ĐẠI

LÊ HUY VÂN

Nói tóm lại bà De la Fayette đứng về phương diện nhà triết học siêu-bình mà khảo xét ái-tình, Rousseau thì đứng về phương diện luân lý, Stendhal, phương diện anh-tướng sĩ còn Proust thì về phương diện nhà thơ và thầy lang.

Đại khái câu chuyện tình của Swann như thế này:

Swann vốn là một người Do Thái học thức rộng, quen giao du với các hạng quý phái như họ nhà De Guermantes; nếu muốn thì chàng có thể nhân ngãi với các thiếu-nữ đại các của cái xã-hội đó. Nhưng một hôm, trong rạp hát, chàng gặp một người đàn bà: Odette de Crecy, do hạn giới thiệu. Thoạt kỳ thủy, trông con mắt của Swann thì ả không phải là không đẹp, nhưng đẹp một thứ đẹp mà chàng chẳng ưa gì, không những không làm chàng thêm muốn mà lại còn làm chàng khó chịu nữa: da xanh quá, gò má khí cao, mắt tuy khá đẹp nhưng so. Và những câu chuyện về đời riêng của ả, mà Swann được biết cũng chẳng làm tăng thêm được chút thiện cảm nào. Người ta đồn ả không được đứng đắn. Thiếu học-thức, ả có lúc thành ra thô-tục. Không những ả không phải là hạng người Swann ưa mà lại thuộc hạng Swann ghét.

Quen biết được vài hôm, Odette viết thư cho Swann xin phép tới coi các bức họa chàng sưu tầm được. Mỗi lần đến là một dịp để Swann tiếc rằng con người xinh như thế mà không phải là hạng người mình có thể yêu. Nhưng mỗi lần, nàng ra về, chàng lại mỉm cười nhớ lại câu ả nói, than thở không được gặp mặt mình nên thấy thời khắc lâu làm sao. Chàng tưởng đến vẻ lo lắng, rứt rứt của ả cầu chàng « chớ để lâu quá », và cảm động vì con mắt cầu khẩn, sợ hãi của ả lúc bấy giờ.

Odette cố tìm cách để Swann thuận nhập vào cái xã-hội nàng thường giao du: phòng-khách của mẹ Verdurin. Nhưng trong khi đó không ai ngờ Swann đương « kết-tình ». Chàng cảm-dộng vì

BA CUỐN TIỂU THUY

nàng chiều mình và một hôm đến thăm ả, Swann vốn chuộng mỹ-thuật, thích tìm trong các bức danh họa nét mặt các người quen, kinh ngạc nhận ra rằng Odette phẳng phất giống Zephora, con gái Jethro trong một bức bích-họa của Botticelli (1) ở nhà thờ Sixtine. Từ lúc đó, nhờ về giống người trong tranh, mà Odette bắt đầu có một vẻ đẹp, đối với Swann rất là đáng quý. Thường thì vẫn thế, tình yêu mỗi lần kết-tinh tất có dính dáng đến một ham-mê lớn nhất. Gã sinh thể-thao tất yêu một thiếu nữ cưỡi ngựa giỏi, đánh golf tài. Một người nước Anh tất kết-tinh vào một nữ quân quân vợt, một nhạc sĩ vào một danh ca, một chính-trị gia vào một người cùng chung ý-kiến. Swann vốn ưa họa phẩm, kết-tinh vào một người đẹp trong tranh. Chàng tự trách đã không để ý đến một sắc đẹp mà Botticelli chuộng, đã thờ ơ khi nàng yêu mình không hay rằng tình yêu đó đáng quý ngần nào: Odette đã làm thỏa mãn những ý tưởng của Swann về mỹ-thuật.

Mấy chữ « họa phẩm thuộc phái Florence (1) » đã giúp Swann được một việc lớn. Đó là một chức tước đưa hình ảnh của Odette bước vào thế giới mơ mộng của Swann mà từ xưa nàng chưa hề được bước chân vào; kể từ ngày vào trong thì nàng thêm bề cao quý. Ngày trước chỉ mới nhìn nàng về phương diện sắc thịt thì càng nhìn, làm chàng càng thêm nghi ngờ về giá trị của bộ mặt ấy, của tấm thân ấy, của Sắc đẹp của nàng mà tình yêu càng nhạt. Ngày nay nền móng của lòng yêu là những tư tưởng về khoa thẩm-mỹ, cho nên nghi ngờ tan mà ái tình thêm bề vững chãi. Đó là không kể chuyện ả nằm với nhau: âu yếm một sắc thịt đã vừa thì chàng cho cũng là thường, vô thú vị nhưng âu yếm một người giống in nhân vật vẽ trong tranh mình thích, thì lại hóa ra thần tiên, tuyệt thú.

Kể từ buổi yêu, tối nào Swann cũng đến nhà Odette và cũng như những anh si khác, tình nhân yêu chỉ thì chàng mới thấy yêu cái đó. Nhưng Swann vốn chỉ là một gã ích kỷ; nếu chàng không nghi ngờ thì tình yêu của chàng có lẽ cũng nồng nàn hời hợt thôi. Swann chỉ có tối mới gặp Odette, ban ngày chẳng biết nàng làm gì nên cảm thấy rằng một phần đời nàng đối với chàng mờ mịt, bí mật. Vì muốn giải nỗi nghi nên phải tìm cách được gần gũi; muốn gần gũi, chỉ có một cách là cùng vào một bọn với nàng. Swann là một người cần thận trong việc giao du thể mà

nay xin nhập tịch vào cái bọn người thô tục thường họp nhau ở nhà hai vợ chồng Verdurin. Và chàng thấy những câu chuyện ở nhà họ mẫn mà, vì ở nhà họ, chàng được gặp mặt người yêu, nói chuyện với người yêu. Phán đoán, thông minh của chàng đều nghỉ máy.

Proust trong đoạn này cố ý tả hết vẻ tầm thường của xã-hội Verdurin chính vì tiên-sinh biết rằng họ càng lố-bịch bao nhiêu thì độc - giả càng thấy rõ rằng Swann vì tình mà đắm mê mẫn. Triệu chứng đầu tiên của căn bệnh là như thế. Nhận ra cũng chẳng khó gì: hề cứ thấy vậy, gặp người quen luôn mồm tán dương một thiếu-phụ soàng sinh, hết khen họ « rất thông minh » lại khen họ « có óc mỹ thuật », ấy là bệnh đã nhuộm rồi.

Odette lúc này biết trai đã mê mình, bắt đầu muốn ruồi ra. Dần dà Swann biết rõ người yêu chẳng lấy gì làm chính đính: ả sống một cuộc đời riêng rất bí mật mà chàng chẳng hay được phần nào. Nghi ngờ đời ả ghen tuông ngấm là từ đó chàng tò mò muốn biết hết hành vi của Odette.

Đối với Proust, khi đã yêu thì chẳng những muốn biết hết thân thể người yêu mà lại còn muốn biết rõ tính tình, tư tưởng, một hai hòa lẫn hai tâm hồn. Trước kia Swann thường khinh những lời bàn tán của các mục đán bà ngồi rồi kể xấu nhau. Nhưng đương ghen, Swann chỉ chăm chăm giới các chuyện riêng của Odette, ham mê như lúc xét các chuyện về lịch-sử.

Odette nói dối như ranh. Điều toa vốn là bản tính của nàng nên mở miệng là thêm thắt. Nhưng tâm lý con người thật éo le: ấy chính vì ả hay nói dối, chính vì chàng ghen ngờ mà hóa ái-tình thêm bền chặt. Cứ yêu nhau mãi mãi thì rồi cũng có lúc chán; phải nghi ngờ thì ái-tình, như lửa thêm dầu, mới càng cháy tỏ.

Swann biết rằng người quen, kẻ thuộc ai cũng coi cuộc tình duyên của chàng là điên đảo, trẻ con. Nhưng chính chàng thì lại coi nó là quan trọng hơn hết, giá có phải hi-sinh cả một đời cũng không từ. Chỉ có âm nhạc là hiểu được lòng chàng. Một buổi ngồi nghe họa đàn, một câu violon đã làm Swann cảm động vì chàng thấy nó xuất được tâm tư.

Giây thân ái càng ngày thêm thắt chặt và một ngày kia Swann cưới nàng làm vợ tuy biết rằng nàng có ngoại tình và đời chàng thế là hư hỏng.

Cũng có lúc tỉnh táo, đứng địa vị bàng quan nhìn vào, chàng thấy Odette thật tầm thường.

ẾT PHÁP HIỆN ĐẠI

Nhưng những phút đó thật là hiếm có, còn thường thường bị giam trong đời sống bên trong, ta chẳng thấy chi hết.

Thí dụ của Proust vẽ ra là như thế. Giờ ta tìm xem lý-thuyết của tiên-sinh về ái tình như thế nào.

Tiên-sinh có ý muốn phá bỏ những thành kiến có sẵn về ái tình do các truyện, các sách bày ra. Các nhà văn thời trước tin rằng giai gái yêu nhau là có tiền-dịnh. Liếc mắt nhìn thấy nhau là đã mê rồi tưởng nhanh như tiếng sét. Điều cần nhất là làm cho tiếng sét nổ trong giây phút hóa ra vĩnh viễn: cho nên mới có nhời chỉ non thề bề, gán bó kéo sơn.

Tả ái-tình như thế có đúng với sự thật chăng? Proust quả quyết rằng không. Người ta có những lúc (nhất là vào tuổi thanh niên hay hồi đứng bóng) tâm trạng cảm thụ rất dễ cũng như cơ thể con người có khi mỗi một, yếu ớt, chỉ một cơn vi-trùng nhỏ có thể đoạn sinh. Cả tâm hồn chỉ mong mỗi gặp tri âm nên chúng ta không phải yêu hẳn một người nào mà yêu bất cứ ai tình cờ có mặt lúc bấy giờ. Trong lòng ta tấn kịch đã dàn sẵn chỉ còn chờ có một vai đào chính. Vai đó thế nào cũng có mà cũng chẳng cần chỉ có một người đóng. Ta yêu tha thiết cô Oanh, nhưng ta yêu Oanh có phải là vì Oanh đâu; giá ta ở chỗ khác, ta đi chơi một phố khác, ta quen những người khác thì có lẽ người ta yêu lại là Mai. Mai hay Oanh là do ta tạo hóa lấy, ta vẽ thành hình.

Cho nên các nhân vật đàn bà của Proust không có tính khí rõ rệt. Tiên-sinh không để ý đến Odette mà chỉ để ý đến những cảm tình do nàng gợi ra. Anh chàng si, bị giam hãm trong tình yêu của mình, không nhìn thấy thiếu nữ mình yêu mà chỉ nhìn thấy một cái bóng do tâm trạng mình tô lại các màu.

Những ý kiến của Proust cũng chẳng lấy gì làm mới lạ. Schoenhauer (1) chẳng đã sừng lên rằng vì tạo hóa muốn cho giống người khỏi tiêu diệt nên mới sinh ra đôi má hồng để quyến rũ đàn ông như ngài đã điểm màu cho hoa để dặt con ong lại. Cái đặc biệt của Proust là đã tỏ ra rằng các cách quyến rũ của giống người văn minh không phải là dẫn dụ mà phiền phức vô cùng Họ yêu nhau chẳng những vì sắc đẹp mà còn vì tò mò, tò mò muốn lật lá màn bí mật, muốn thắng các nỗi khó khăn.

(1) Một triết học gia người Đức về thế kỷ thứ 19.

Sự sung sướng chẳng phải ở sự thật mà ở tri tưởng tượng. Gột hết tưởng tượng đi thì khoái-lạc chẳng còn gì. Tình yêu lúc nào cũng có sẵn trong lòng, thơ thần đi tìm chỗ bám. Nếu nó gặp một người đàn bà mà bám vào thì chỉ vì người đàn bà đó cao xa quá, khó với tới. Từ đó ta chỉ nghĩ đến cách biết họ cho rạch ròi chứ không nghĩ đến họ.

Vì thế nên có khi ta chẳng biết gì về thân thể người ta yêu cả. Một cô bán hàng xinh xắn gặp bên đường đủ mang cả tấm lòng của ta đi. Chính vì hình ảnh của ả chống rỗng nên ta mới có chỗ đem gieo các tính tình của ta vào.

Proust có một trang tả cái hôn của đôi giai-gái rất là thú vị Marcel gặp một thiếu nữ ngoài bờ bể; chàng chỉ ước mong được hôn nàng. Nhưng thấy nàng thuận cho thì chàng thấy một thú.

« Tôi chỉ muốn, trước khi hôn nàng, gọt hết những vẻ bí mật đời xưa trên hai bề trước khi biết nàng, tìm trong người nàng những miền nàng hằng ở; nếu tôi chỉ biết Albertine tất tôi có thể cho những kỷ niệm của cuộc đời ở Balbec lần vào nào tiếng sóng rạo rạo dưới cửa sổ nào tiếng trẻ con nô. Nhưng để làm con mắt lướt trên đôi gò má mồm mím hồng hồng, cong cong êm dịu đi khuấy vào giải rừng tóc huyền, nhấp nhô chỗ non cao, chỗ thung lũng thấp, tôi phải tự nhủ thầm: — Thôi, ở Balbec đã chẳng thành công, giờ thì ta được biết cái vị dóa hồng tươi của gò má Albertine... »

Tôi nghĩ thế là vì tôi tưởng rằng một tôi có thể hưởng được vị đó; biết đâu rằng người ta, tuy cơ thể không dẫn dụ như con sứa bề bề hay chú cá voi, nhưng cũng hiểu bộ phận cần dùng nhất là bộ phận để hôn. Thay thế vào đó có hai môi; nhờ đó có lẽ cũng có kết quả khả quan hơn là phải dùng sừng để mà âu yếm người yêu. Nhưng môi vốn giới sinh để mang vào cổ họng những vị ngon, đành phải vờ vờ trên mặt da; đi mũi vào hàng rào mà vừa kín vừa thú vị. Thấy vọng mà không dám nói, nhằm mà không hiểu. Và lúc đó ở kề ngay thịt, đôi môi du có thành thạo, tài tình hơn nữa cũng không hưởng hơn được cái gì, ở cái miền hẻo lánh, cần cổ này, hẳn chỉ có một mình; mắt, mũi đã bỏ đi từ lâu. Trước hết mồm tôi cao đến gần má bao nhiêu thì mắt tôi vì đôi chỗ lại thấy một đôi má khác, không phải là đôi má định hôn: cổ nhìn gần như soi kính hiển vi thành ra thêm thô, bấp thập nổi lên càng mạnh

(1) Botticelli là một họa-sĩ người Ý sống vào cuối thế kỷ thứ 15, vốn ở tỉnh Florence.

TÌNH HÌNH KỸ NGHỆ ĐÔNG-DƯƠNG

(Tiếp theo trang 6)

GLYCÉRINE. — Ông Trương văn Bền đã sửa soạn xong việc lọc glycérine và mỗi ngày chế tạo được, 50 cân, đủ cho sự cần dùng.

THAN HÚT CÁC CHẤT HƠI (Charbon actif) — Nhà máy Ac ivit của sở mỏ ở Hiệp Hòa, sản năm 1939-1940, trong năm 1941 đã sản chế được 18.000 tấn than hút các chất hơi dùng trong kỹ nghệ và mặt nạ tránh hơi độc.

HÒM ĐIỆN. — Công ty xe điện Saigon chế tạo.

LINH TINH. — Từ năm 1941 ông Delauney ở Chợ-lớn đã sản chế rất nhiều thứ thuốc về chất hóa học.

VIII. — Kỹ-nghệ làm đồ dùng trong việc công-tác

KÍNH. — Kỹ nghệ làm kính (nhà máy lo nhất là của công ty « Verreries d'Extrême Orient » ở Haiphong) đã bị sút kém vì thiếu chất carbonate



làm thay đổi hẳn về mặt. Ở Balbec ngày trước, tôi nhìn Albertine có khi thấy thay đổi luôn luôn; lúc này, từ mỗi tôi đến má nàng, con đường ngăn ngừi mà tôi nhìn thấy những mườì Albertine; thiếu nữ đó là, một nàng tiên muôn đầu, cái đầu mà tôi nhìn thấy lần cuối nếu tôi chực lại gần thì lại hóa ra đầu khác. Ít nhất, lúc chưa mó vào thì cái đầu đó tôi còn nhìn thấy, còn ngừi thấy mùi thơm nhẹ nhẹ. Than ôi! lúc hôn mắt, mũi đều đứng vào thế bất lợi, mỗi lại không sành cho nên mắt chẳng nhìn thấy gì nữa; mũi dí vào mặt nàng chẳng còn ngừi thấy mùi gì; rút cục vị đoá hoa hồng bằng thịt ấy tôi chẳng được nếm mà bấy nhiêu bức tức lại cốt tỏ cho tôi hay rằng tôi đương hôn Albertine... »

Các độc giả thử so sánh đoạn tả cảnh những cảm giác « bức tức » nay với đoạn tả cảnh cái hôn say sưa của Rousseau trong Héloïse thì mới thấy hai triết lý khác nhau thế nào; một bên là cái triết lý khách quan về ái-tình tin rằng tình yêu có thật, người yêu cũng có thật; một bên là triết lý chủ quan như của Proust dạy rằng tình yêu chỉ ở trong lòng ta, mang nó sang cảnh thực tức như chuyện hôn hít vừa rồi) tức là giết nó đi.

de sodium không nhập cảng được. Năm 1940 sản xuất được 5.900 tấn mà năm 1942 còn có 3.000 tấn Hiện người ta đang tìm cách sản chế chất hóa học trên kia để tăng số kinh sản xuất.

(Còn nữa)
VŨ ĐÌNH HÒE

(1) Những con số trong bài này đều do tài liệu của chính phủ công bố trong 2 kỳ Hội-chợ Hanoi 1941 và Saigon 1942 cũng trong những cuốn : Annuaire Statistique de l'Indochine 1940 Bulletin Économique 1942-3 và les Réalisations de la Révol. nationale en Indochine.

MÓN QUÀ QUÍ CHO ANH EM
HỌC SINH TRONG VỤ HÈ :

THANH NGHỊ
TRẺ EM

bán từng tập 35. số

3\$20 - thêm 0\$30 cước phí

Thư và bưu phiếu gửi cho ông **VŨ-
ĐÌNH-HÒE** 214 Hàng Bông Hanoi

ĐƯƠNG IN :

VANG BÓNG MỘT THỜI
của **NGUYỄN-TUÂN**

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

Cuộc tiên-hóa của nền tư bản Âu-Tây

VŨ VĂN HIỀN

Thời-kỳ toàn-thịnh của tư-bản kỹ-nghệ

(Tiếp theo)

TRONG mấy kỳ báo trước, tôi đã nói rằng xây dựng trong một thống hệ pháp luật căn cứ vào tư sản và tự do lập ước, nền tư bản kỹ nghệ Âu Tây đã tiến bộ vô cùng suốt trong thế kỷ 19, làm biến đổi cả cục diện Âu châu và thế giới, nhờ về sự bành trướng của cơ khí và lối tổ chức ngân hàng.

Nay tôi nói đến một đặc điểm khác của nền tư bản là sự phân chia công việc hay là sự phân công (division du travail).

Ở một xã hội còn sống trong giai đoạn canh nông và tiền công nghệ, mỗi miền, một tỉnh thường sản xuất lấy gần hết các thứ cho dân dùng, và một người nhiều khi làm hai ba nghề một lúc. Trong xã hội tư bản không những mỗi người chuyên về một nghề, mà sự phân chia công việc còn tiến về hai phương diện nữa:

1-) Muốn hoàn thành một sản phẩm người ta chia công việc ra trăm nghìn thợ khác nhau trong đó mỗi người chỉ làm một phần trong việc sản xuất.

2-) nhiều nước, nhiều miền dần dần chuyên sản xuất một thứ hàng; thành thử ngoài sự phân công trong một xưởng thợ còn có sự phân công về địa phương.

Trong quyển Quốc-phú luận (1775) Adam Smith đã nhận thấy quan trọng của sự phân công trong xã hội tư bản. Lấy thí dụ công việc trong một xưởng làm đinh ghim hồi ấy, ông đã viết:

«Một người chưa luyện tập để làm công việc này là một công việc mà sự phân công đã làm thành một nghề riêng và chưa quen dùng các dụng cụ dùng trong xưởng, thì dầu khéo đến đâu cũng họa may mới làm được

mấy chiếc đinh ghim trong một ngày, và chắc hẳn rằng người ấy không thể làm được vài chục chiếc trong một ngày. Nhưng theo cách tổ chức của kỹ nghệ này bây giờ thì không những sự làm đinh ghim đã thành một nghề riêng mà chính công việc ấy cũng còn chia ra rất nhiều ngành mà phụ thuộc nhiều ngành nào cũng thành ra một nghề riêng cả. Một người thợ chuyên kéo thép thành sợi, một người thợ khác chuyên uốn sợi cho thẳng, người thứ ba thì cắt sợi thép, người thứ tư làm cái mũi ghim, người thứ năm mài cái đầu cho cái nhai. Riêng cái nhai ghim cũng cần hai ba công việc khác nhau: đập cái nhai cho dẹt xuống là một việc, uốn cho cái ghim thành trỉng bóng là một việc khác, chọc thủng tờ giấy để gài ghim vào đấy lại là một nghề phân biệt hẳn; nói tóm lại công việc làm cái đinh ghim chia ra làm 18 hay gần 18 việc khác nhau; có xưởng giao 18 việc ấy cho 18 tay thợ chuyên môn khác nhau; có nơi thì giao cho mỗi thợ làm hai hay ba việc. Tôi đã thấy một xưởng nhỏ chỉ dùng có 10 người thợ, như thế tức là trong số thợ có người làm hai ba việc. Tuy vậy, dẫu xưởng rất nghèo và vì thế khi cụ không có gì, mà khi thợ đã làm việc thì mỗi ngày cũng làm xong 12 livres ghim, mỗi livre hơn bốn nghìn chiếc ghim hạng trung bình. Như vậy 10 người thợ có thể cùng làm mỗi ngày bốn vạn tám nghìn ghim».

Về phương diện kinh tế kết quả của sự phân công là cho sự nhanh chóng và tăng gấp. Người thợ chuyên môn suốt ngày chỉ làm một việc giản dị (kéo sợi, mài ghim v. v.) thành ra khéo léo và nhanh nhẹn và không mất thì giờ để đổi tay, đổi khi cụ đề bước từ việc này sang việc khác. Không những thế khi công việc sản xuất đã phân chia ra làm nhiều việc giản dị thì người ta dễ có dịp sáng chế một thứ máy để thay người làm, việc giản dị ấy. Thí dụ như việc làm đinh ghim trên đây

nếu không phân tách công việc ra từng phần thì không sao óc người có thể sáng chế được một thứ máy làm biến sắt thành ghim được. Trái lại, sau khi đã phân tách ra việc kéo sợi, uốn sợi, mài kim v. v. thì người ta có thể sáng chế ra máy kéo sợi, uốn sợi, mài kim, v. v. rồi sau hợp những thứ máy riêng để tiến hóa thành sắt thành chiếc ghim đều đặn và tinh vi.

Sở dĩ việc phân công phát triển và tiến bộ được là vì xã hội tư bản cần sản xuất rất nhiều để đủ cung cấp cho thị trường.

Nhẽ tất nhiên khi sự buôn bán chỉ quanh quẩn trong một làng hay một phố thì thợ làm việc theo lối tiểu công nghệ cũng đủ: nếu đóng giày thì làm mọi việc từ lúc cắt da cho tới lúc hoàn thành đôi giày, nếu dệt vải thì làm mọi việc từ lúc bắt bông xe sợi cho tới lúc hoàn thành súc vải hay bộ quần áo.

Sự phân chia công việc chỉ có ích và thấy cần, khi nào số hàng hóa tiêu thụ rất nhiều. Lúc ấy đám ba người thợ làm không đủ nữa mà cần phải hàng nghìn hàng vạn người thợ cùng làm; rồi trong đám hàng nghìn hàng vạn người ấy, mới chia ra mấy trăm người chuyên việc đóng đế giày hay bắt bông, mấy trăm người chuyên việc làm cá gáy hay xe sợi v. v.

Thị-trường càng mở rộng ra bao nhiêu thì sự phân-chia công việc càng tiến bộ bấy nhiêu. Cuối thế-kỷ 18, Adam Smith đã ngạc-nhiên về kết-quả của sự phân-công trong xưởng làm đinh-ghim vì công-việc sản-xuất đã chia ra làm 18 việc khác nhau mỗi việc giao cho một thứ thợ. Nhưng từ hồi ấy đến nay tại các nước tư bản sự phân công đã tiến thêm một bước rất dài rồi: hiện nay, trong những xưởng chế-tạo ở Hoa-kỳ, đóng một đôi giày chia ra làm 173 việc vặt mỗi việc giao cho một thứ thợ chuyên-môn riêng; và muốn chế-tạo một cái đồng-hồ hạng tốt người ta cần 1088 thứ thợ chuyên-môn khác nhau, mỗi thứ thợ dùng một thứ máy riêng!

Có khi bao nhiêu thợ chuyên-môn giúp vào việc sản-xuất một thứ hàng đều họp tại một hay nhiều nơi đặt dưới quyền kiểm-soát của một nhà kỹ-nghệ hay một hội vô-danh. Nhưng nhiều khi mỗi nhà kỹ-nghệ hay mỗi hội tư-bản chỉ làm có một phần công-việc sản-xuất. Thí-dụ có nhà máy chỉ chuyên làm vải lợp xe, có nhà máy chuyên đúc cao-xu thành bánh xe, có nhà máy chuyên làm kính ô-tô v. v...; đem dùng các thứ đó vào việc sáng tạo một chiếc

ô-tô lại là công-việc những nhà máy những hội buôn khác hẳn.

Nếu không xét về lối tổ-chức công-việc trong một xưởng thợ nữa, mà xét toàn-thể sự sản-xuất của từng miền từng nước thì ta thấy cũng vì sự phân-công mỗi miền, mỗi nước dần dần chuyên về một sự hoạt-động. Thí-dụ như tại Pháp, miền Nam thì sản-xuất rượu vang, miền Bắc vải sợi, miền Lyon các thứ lụa v. v...

Trước cuộc đại-chiến 1914-1918 sự chuyên-môn của các nước cũng rõ rệt. Nhất là tại các nước mới khai-khẩn là nơi không có dấu vết của lối tổ-chức kinh-tế cũ nên khi người Âu tiến đến thì họ có thể đem thi-hành ngay lối tổ-chức công việc của xã-hội tư-bản. Ta hãy xem như Brésil tại (Nam-Mỹ-Châu) chỉ chuyên về sản-xuất cà-phê, Argentine (cũng tại Nam-Mỹ-Châu) chuyên sản-xuất lúa mì, Australie (Úc-châu) sản-xuất laine, Bắc-Mỹ, Ai-cập, Tây Ấn-độ sản-xuất bông v. v. Về kỹ-nghệ thì Anh, Pháp, Đức, Bỉ rồi gần đây thêm Hoa-kỳ, Nhật-bản chuyên về kỹ-nghệ dệt, kỹ-nghệ nặng (đúc sắt và chế-tạo kim khí) v. v...

Từ hồi Âu-chiến nước nào cũng cố bỏ bớt sự chuyên-môn ra làm cho nền kinh-tế được điều-hòa để lúc cần đến thì có thể tự cung-cấp lấy cho mình về mọi thứ cần dùng. Nhưng đó là tư-tưởng của một giai-đoạn mới của nền tư-bản mà ta sẽ có dịp nói đến sau đây còn trong thời-kỳ toàn-thịnh của tư-bản thì sự giao cho mỗi miền mỗi xứ một phận-sự riêng trong nền kinh-tế của hoàn-cầu là một điều mà các nhà kinh-tế « chính-tông » cổ-võ hết sức mà cũng là một việc đã bắt đầu xuất-hiện trên thực-tế. Sự phân-công ấy in vào nền kinh-tế nhiều nước tiên tiến những vết tích rõ ràng hiện nay vẫn còn.

Đứng về phương diện xã hội và chính trị người ta đã công kích sự phân công. Trước hết người ta bảo lối tổ chức ấy làm cho thợ chuyên môn thái quá và làm cho họ thành một cái máy vô hồn cộng tác một cách vô trí vào một việc sản xuất mà chính họ không biết bắt đầu từ đâu rồi đi đến đâu thì hết; người thợ nhà máy thành một diêm vô danh trong một đám hàng nghìn hàng vạn người không còn cái vui thú thấy mình đã tạo thành một sản phẩm như nhà tiểu công nghệ. Đứng về phương diện quốc gia thì sự chuyên môn về kinh tế làm cho nước mất một phần độc lập vì bao giờ cũng phải sống theo với các nước khác vẫn mua bán với mình. (xem tiếp trang 27)

(Tiếp theo)

SAU lúc nhà họ Triệu bị cướp, thì phần đông dân làng Mùi vừa thích chí vừa sợ hãi: A Q cũng vậy và vừa sợ hãi vừa thích chí.

Nhưng bốn hôm sau, thì va đã bị bắt lên tỉnh. Hôm ấy giữa lúc đêm khuya, một toán lính, một đội đoàn phu, có cả một

đội lính canh sát đi giúp sức, do năm nhà thám tử dẫn đường, lặng lẽ đi về làng Mùi. Giữa lúc đêm tối mờ mờ, bấy nhiêu quân đội vây kín lấy đền thờ Cốc rồi trước cửa đền lập ngay mấy khẩu súng liên thanh mũi châu vào trong đền. Thế nhưng A Q không hề xông ra. Một hồi khá lâu, trong đền vẫn im phăng phắc, tuyệt không động tĩnh. Viên giám binh nóng ruột. Cuối cùng, phải treo đến hai nghìn quan tiền giải thưởng mới có hai chú đoàn phu mạo hiểm, trèo qua bức tường, nhảy phóc vào đền, thế rồi trong ngoài hưởng ứng cùng nhau, hai ba toán quân một loạt thốc vào tóm ngay được A Q. Lúc đã bị lôi ra khỏi ngoài cửa, đứng bên mấy khẩu súng liên thanh, và mọi mớ mành hơi tỉnh giấc.

Về tỉnh giờ đã đứng trưa. A Q thấy người ta giắt va tời một sở nhà môn đã nát, quanh qua năm sáu góc đường, nửa đền một gian nhà nhỏ. Va vừa bước thấp bước cao đi vào, thì cái cánh cửa làm bằng những súc gỗ nguyên phiến, đã đóng sập ngay lại sau gót chân. Ba mặt khác đều bằng tường vôi. Trong góc phòng, và thấy có hai người khác đã ở đấy từ trước.

A Q bụng hồi hộp nhưng không lấy làm khổ sở; sở là gian phòng này sánh với cái buồng ngủ của va ở đền thờ Cốc kê còn cao ráo sạch sẽ hơn nhiều. Hai lão đồng phòng kia xem chừng cũng đều là nhà quê cả. A Q sẽ dần dà trò chuyện, hỏi thăm hỏi nom. Một lão nói: nó bị bắt là vì ông nội nó còn thiếu lại cụ cử một món nợ cũ, còn lão kia thì chả biết vì sao mà bị bắt sốt. Chúng nó hỏi A Q vì sao cũng vào đây. A Q nhẹ nhàng giả nhời có vẻ đặc ý:

— « Tớ làm giặc! » —

Ngay chiều hôm ấy, người ta lại giắt A Q ra đến một nhà công đường to. Giữa gian nhà, chễm chệ ngồi, làm cho lão già đầu trọc thóc lóc. A Q nghĩ bụng: lão già này chắc là một lão sư cụ hẳn... Nhưng va lại thấy toán quân đứng sắp hàng giữa sân, và hai bên lão trọc còn mười mấy chú nữa đều bận áo dài, chú thì đầu cũng trọc thóc lóc như lão già, chú thì đuôi sam quần lên như lão tay



giả. Thằng nào thằng ấy mặt thật bề - vè, hằm hằm nhìn vào mặt A. Q. như tưởng cầm gậy. A. Q. biết ngay rằng: lão trọc này chả phải vừa. Thế là các khớp đầu gối của va tự nhiên rụng rời, như rã hẳn ra; va sẽ quỵ sụp xuống. Bọn áo dài nạt qm sòm:

« Đứng mà nói! Ông phải quỳ!... »

A. Q. xem chừng cũng am hiểu tiếng bọn họ nhưng va không tài nào mà đứng dậy được. Cái thân mà hiện giờ này va không tự chủ được nữa, chỉ cứ sập xuống; thế là va đành dõng thế đứng ra làm thế quỳ vậy. « Nủ lý xing », (tính cách nó lệ)! Bọn áo dài vêu r' mắng, nhưng rồi cũng không ép va phải đứng dậy.

Lão già đầu trọc lúc nhăm chăm chú vào mặt A. Q. rồi nói rất thông thả, rõ ràng:

« Máy thú nhận đi là hơn, khỏi phải tra khảo thêm khờ. Ta biết hết rồi. Thú đi rồi ta tha... »

« — Thú đi thôi! »

Bọn áo dài cũng ư át to lên một loạt.

— Con vẫn có ý đi đâu... (1)

A. Q. giả lời tiếng được tiếng mất, sau lúc khỏi óc va đã mơ hồ nghĩ ngợi khá lâu.

— Vậy thì sao con không đi thú trước đi, có phải hơn không?

Ông cụ già hỏi, giọng nói rất là hòa nhã.

— Thừa bởi lão tây già nó không cho...

— Nói bậy! Bấy giờ chậm quá rồi. Hiện nay bọn đồng đảng với mày ở đâu?

— Thế nào kia ạ?

— Bọn ăn cướp nhà họ Triệu hôm trước đây ấy mà.

— Nào chúng nó có lại gọi con đâu? Chúng nó tự mình chúng nó chuyên đồ đi...

A. Q. nhắc lại câu chuyện, còn có vẻ căm tức.

— Chúng nó đi đâu kia? Khai ra rồi ta tha cho mày.

Giọng lão trọc nói rất là ngọt ngào.

— Bầm thiết con không biết. Nào chúng nó có gọi con đâu.

Rồi thấy lão trọc máy mắt một cái, là A. Q. lại bị giắt về lao. Mãi đến trưa hôm sau, người ta mới đem va ra hỏi cung lần nữa.

Quang cảnh công đường vẫn in như trước. Ngồi trên vẫn cái lão đầu trọc hôm nọ, A. Q. vẫn quỵ sụp xuống đất. Lão đầu trọc nhả nhặn hỏi:

(1) A. Q. có ý nói: đi đầu hàng đảng cách mạng nhưng người nghe lại hiểu là đi đầu thú, đi thú tội đã ăn cướp.

— « Con còn cỡ gì nói thêm nữa không ?

À. Q nghĩ lại, chả biết nói gì... và sẽ giả lời ;

— Không ạ.

Rồi một lão áo dài, đưa ra một tờ giấy và một quả bút, đến trước Á Q, nhét ngay vào tay. Thần tình Á Q hồi này thiệt cơ hồ « hồn rơi phách rụng ». Số là lần này là lần đầu tiên mà cái tay va mới có liên can đến với một quả bút. Va còn ngồi mãi không biết cầm thế nào, thì bác áo dài lại chỉ cho va một chỗ trên tờ giấy, bảo ký tên vào đấy. Á Q tay bấp chập lấy cái bút, miệng lầm bầm thừa, vừa sợ vừa hãi, vừa hồ người :

— Tôi... tôi... có biết viết đâu ạ....

— Thế thì... tùy mày., cứ vẽ vào đây một cái vòng tròn vậy,

Á Q định vẽ cái vòng tròn. Khốn một nỗi là cầm lấy cái bút là cái tay lại run đây đây. Thành thử người k a phải đem tờ giấy giải rộng lên trên mặt đất hộ Á Q ; Á Q liền quỳ gối, khom lưng xuống giữa đất, rón rết sức bành sinh, cố vẽ một cái vòng. Sự người ta cứ... Á Q quyết chỉ vẽ cho tròn. Nào ngờ cái cán bút k... kia, không những nặng nề quá thế, mà lại chĩa chĩa về cho Á Q khiến. Á Q cứ từng khúc, từng khúc đầu lại nhưng cái vòng sắp khít thì cái bút lại vọt hẳn ra ngoài không chịu đầu hai đầu mới cùng nhau cho tròn. Thành ra, Á Q chỉ vẽ nên một cái hình xiên xẹo méo mó in như là một quả dưa.

Á Q những thẹn thùng về cái vòng méo của va và vẽ. Nhưng người kia xem ra không hề để ý, chỉ rút lấy tờ giấy. Thế rồi một tụi người trong bọn lại đem va vào nhà giam như cũ.

Về đến trong lao, Á Q cũng không ra vẻ buồn bã cho là n. Va nghĩ rằng : Người ta sinh ra ở trong giới đất, thì tất phải có lúc bị giắt vào giắt ra trong ngoài một cái cửa lao, hoặc cũng có lúc còn phải nắm lấy quả bút mà vẽ cái vòng tròn nữa, đấy cũng đều là những sự dễ dàng có thể xảy ra lắm lắm. Duy chỉ vẽ vòng không tròn thì mới thật là một cái vệt dơ được trong thân thể va ! Nhưng chả mấy phút sau, thì va cũng quên bằng cả cái ý nghĩ này ; mà va đã nghĩ bụng : « con cháu tôi ngày sau hẳn là sẽ vẽ được tròn hơn tôi bây giờ ». Rồi va ngủ thẳng.

Ấy những đêm ấy có một người không ngủ được : tức là cụ Cừ. Cụ rất cam với quan lãnh. Số là trong vụ án này, cụ chủ trì rằng cần nhất là phải bắt hỏi cho ra tang vật, mà quan lãnh thì ngài bảo phải ra oai cho chúng sợ (thì chung). Mấy hôm gần đây, ông anh đã khinh cụ Cừ ra mặt. Rồi hôm ấy ông đập bàn, đập ghế nói : « Phải giết một thằng cho nảm thẳng khác sợ chứ !... Ngài xem : tôi vào đang Cách mạng chưa được hai mươi ngày giới ma đã sảy ra mười mấy vụ an cươp ! còn gì là thể diện của tôi ! Bây giờ vụ an cươp ra, cụ lại nói ng ng ! Tôi nhất định không nghe ! Việc này phải đe tôi xử ». Cụ Cừ bị, chả biết gì lời thế nào...

nhưng vẫn cái ngang và dọa rằng : nếu không cố tìm cho ra tang vật thì cụ sẽ lập tức từ chức bang biện. Quan lãnh giả lời : « cái ấy tùy ý ngài ».

Vì vậy tối hôm ấy Cụ Cừ không ngủ một tý nào. Tuy vậy hôm sau cụ cũng không hề từ chức.

Lần thứ ba người ta bắt Á Q ra ngoài lao tức là ngay sáng hôm sau cái đêm cụ Cừ không nhắm mắt từ đầu hôm xuất sáng. Á Q ra đến công đường vẫn thấy cái lão trọc thóc lóc chiếu lệ ngồi đấy ; Á Q cũng chiếu lệ quỳ xuống.

Lão trọc lại cứ nhả nhận hỏi :

— Thế con còn muốn nói gì nữa không ?

Á Q nghĩ một hồi, chả biết nói gì, và sẽ giả lời :

— Bẩm không ạ.

Lũ ăn bận áo dài liền khoác cho va một cái áo vải xanh đằng sau lưng có một mảnh vải trắng, trên mảnh vải trắng có mấy chữ đen. Á Q có ý buồn, là vì cái áo hơi giống áo đại tang ; và ăn bận như thế sợ có « huông » chăng ? Nhưng ngay lúc ấy người ta đã dắt va ra ngoài nha môn.

Á Q bị người ta đẩy vào trong một cái xe phủ kín cùng ngồi với mấy chú áo cộc. Rồi tức thì xe chạy. Một tụi lính và mấy chú đoàn phu, vác súng đi trước. Đồi bên rất nhiều người nhô mồm ra xem. Á Q không biết đằng sau có những gì. Thoát đầu va nghĩ : hay là chuyến này chúng nó đem đi chặt đầu ? Va sinh lo, hai mắt quáng hắc lên, rồi nghe tai vù, Á Q dường như mất hồn hẳn đi. Nhưng va cũng chưa hoàn toàn mê ; có lúc va lo, có lúc va lại thản nhiên. Trong ý nghĩ va, va cảm thấy rằng : người ta sinh ra trong giới đất, thì trước sau ầu cũng thế một lần bị chặt đầu.

Á Q nhìn ra đường, va lấy làm lạ hết sức. Đi chém, thì sao không đi thẳng tới trường chém ? Nào va có biết đâu rằng bây giờ là người ta đem va đi dạo phố để « cho mọi người trông thấy !... ». Nhưng đầu có biết thế nữa thì có lẽ va cũng chỉ nghĩ rằng : người ta sinh ra trong giới đất thì trước sau ầu cũng có một lần phải đi dạo phố, để « cho mọi người trông thấy » như vậy.

Á Q đã tỉnh hẳn người ra : đây là con đường pháp trường rồi, chuyến này là nhất định chặt đầu đánh s...sắt ! Và buồn bã, nhìn ra đôi bên đường

Đôi bên đường người ta xem như kiến. Tỉnh cớ va bỗng thấy mặt mù mù Ngó trong tụi đi xem đó. Đã lâu không thấy mặt, thì ra u ấy đã lên tỉnh làm cềng. Á Q bỗng thẹn thẹn vì mãi không có hơi sức mà hát bữa con vù một vài câu. Bao nhiêu tư tưởng cuộn cuộn trong khối óc y như là một luồng gió « Ông cụt » : Va nghĩ đi nghĩ lại : bài « Gai góa thăm mồ » hát lên cũng chẳng oai vệ gì.. Còn câu « ăn năn đã quá chàm » trong bản « Lòng hồ dầu » xem ra cũng yếu đuối. Thôi thì hát câu « thủ chấp cương tiên tương nị đã » vậy... Rồi va giang tay lên một cái, nhưng va thấy rằng hai tay đã bị choi chặt. Vì vậy mà va cũng chả « thủ chấp cương tiên » nữa.

« Hai chục năm giờ nay lại... » Giữa lúc « Ngón ngang trăm mối » Á Q bỗng phụt ra nửa câu nói xưa nay chưa hề bao giờ thổ lộ ra được. Thiết là không thầy lại hóa thông (Vô sự tự thông) — Hào a!...

Một tiếng gào như tiếng beo, tiếng sỏi găm ồn ào giữa khóm người.

Chiếc xe cứ đi thẳng. Trong bấy nhiêu tiếng ồn ào, Á Q liếc mắt nhìn vu Ngò. Nhưng mù vu hình như không hề thấy Á Q, mù chỉ thất thần đứng mà nhìn mấy khẩu súng trên vai bọn lính.

Á Q sẽ nhìn lại đám người còn đang hò la.

Trong giây lát này, tư tưởng Á Q lại cuộn cuộn trong khối óc. Bốn năm về trước, dưới chân núi, va đã gặp phải một con sói đói cứ theo riết lấy va chực ăn thịt va. Lúc bấy giờ va tỉnh chết ngất đi được. May sạo trong tay còn một con dao rựa, mới liều mạng chống chế, về được đến làng Mũi. Đến nay va còn nhớ mãi cái trông con sói vừa dữ vừa ghê, lấp lánh in như hai cục lửa ma quỷ gi phun ra muốn đâm thâu cả da thịt va. Ấy nhưng trong giờ này, giữa đám người đó Á Q đã thấy những cặp mắt còn ghê gớm hơn thế nữa... Cũng in con sói độ nọ, bấy nhiêu con người cùn cùn sắc sắc vẫn theo riết va, mà lại còn toan cắn nát hết cả da thịt tâm hồn va nữa. Mơ màng. Á Q thấy bấy nhiêu cặp mắt đã kết liền lại thành một thứ quái vật ghê tởm, còn đang đứng đấy bâu xé linh hồn va.

« Cứu tôi với ô giờ ôi ! »

Á Q tỉnh kêu lên một tiếng, mà không kêu được. Hai luồng con mắt va đã mù quáng hẳn đi, hai lỗ tai cũng nghe vù « ong ong ! » Á Q mơ màng cảm thấy hình như thần xác va đã hoàn toàn tan nát ra thành từng hạt bụi nhỏ tí ti.

..

Đến như ảnh hưởng câu chuyện « thời sự » trên đây, thì rõ rệt nhất là duy ở nhà cụ Cử. Cả nhà cụ đều rên rĩ vì quan tư không tìm cho ra tang vật. Sau nữa là nhà cụ Cố họ Triệu. Không những là trong lúc lên tỉnh đi báo cậu Tú đã bị tội cách mạng hư hốt nó chặt tuốt mất cái đuôi xam, mà lại còn phải nộp 2000 quan tiền thưởng cho mấy nhà mao hiểm đã treo tường vào bắt Á Q hôm trước nữa. Thành ra cả nhà họ Triệu càng rên rĩ. Cả hai gia đình, từ đây về sau đều có vẻ « đôi đường » hết sức.

Như làng Mũi, cả làng cùng đồng một ý nghĩ.

Dự luận cho rằng: Á Q là một đứa nguy hiểm. Chứng cứ là va đã bị bắn. Nếu không phải là một người nguy hiểm thì sao lại bị bắn kia chứ? Dự luận trên lĩnh thì lại khác. Họ không được thích ý cho lắm là vì họ bảo bắn chết người trông cũng không vui bằng chặt đầu. Mà cái thằng ử tù kia cũng buồn cười: đi dạo phố một hồi như vậy mà cũng không hát vài câu cho vui tai thành ra bon mình đi theo nó bao nhiêu đường đất cũng là công toi. (12-1941).

Đ. T. M.

SÁCH MỚI:

CUỘC TIỀN HÓA VĂN HỌC VIỆT-NAM	
KIEU THANH QUÊ	Giá. 2,20
NGƯỜI CHIẾN QUỐC	
VŨ TRỌNG CAN —	Giá. 2,50
THANH ĐẠM	
NGUYỄN CÔNG HOAN	Giá. 4,50
THẮNG CON TRAI	
LÊ VĂN TRƯỞNG —	Giá. 2,00
KÊ ĐẾN SAU	
LÊ VĂN TRƯỞNG	Giá. 3,00
BIẾT THỢ TRIỀU HẸNG	
BÙI XUÂN NHƯ —	Giá. 1,00
GIỌT MÁU SAU CÙNG	
PHAN TRẦN CHÚC —	Giá. 1,20
NGƯỜI MẸ TỘI LỖI	
LÊ VĂN TRƯỞNG	Giá. 3,20
MỘT NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM MỚI	
(in lần thứ 1) THAI PHI	Giá. 1,20
SÓNG GIÓ ĐỒNG CHÂU	
(in lần thứ hai) THÁI VIANG.	Giá. 2,00
THANH NIÊN KHỎE	
ĐÀO VĂN KHANG —	Giá. 1,00
MUỐN HỌC GIỎI THÁI PHI.	Giá. 1,00
LUẬN VỀ TIẾNG NAM	
NGÔ QUANG C. M. U	Giá. 0,70
PHỤ NỮ VỚI GIA ĐÌNH	
DỪNG KIM —	Giá. 2,00
PHỤ NỮ VỚI HÔN NHÂN	
VIÊN ĐÌNH	Giá. 1,50
CÁI ĐẸP VỚI NGHỆ THUẬT	
LAN KHAI —	Giá. 1,00

SÁCH HỌC SINH ĐỜI MỚI

Hay! Lại! Vui! Đẹp! Bỏ ích cho tinh thần!	
NĂM BỘ DA DÊ PHAN TRẦN CHÚC.	0\$30
HAI CHÀNG HIỆP KHÁCH NGUYỄN LƯƠNG BÍCH	0,30
SÁM HỒI NGUYỄN XUÂN HUY.	0,30
XU TỬ ĐÁ NGUYỄN XUÂN HUY.	0,30
TỜ BÁO HÀNG NGÀY PHẠM CAO CÙNG.	0,20
PHẠM NHAN PHAN TRẦN CHÚC.	0,20
LÂY CHỒNG CỌP LÊ VĂN TRƯỞNG.	0,30
THẮNG NGỐC THÁI PHI.	0,15
ĐỒNG TIỀN MA MICRO.	0,20
CON CHỈM ĐẦU ĐÀN LÊ VĂN TRƯỞNG.	0,15
và nhiều sách giá-trị khác nữa... Muốn có bản thông kê các sách đã xuất bản, xin gửi tem 0\$06 cho:	

Nhà xuất bản ĐỜI-MỚI

■ 62, Hàng Cót — HÀ NỘI ■

— Giấy nói: 16.38

Óc khoa học là một thứ tinh thần ưa nhận xét bằng những phương pháp thực nghiệm, ưa rõ rệt, dẫn lý, ghét hàm hồ và đại khái, chỉ cho là thực cái gì có thể kiểm diêm, thí nghiệm được. Nó là óc của nhà bác học, vật lý hoặc hóa học, toán học. Nó là một thứ tinh thần quý giá vô ngần, một của báu mà Tây Phương đã mang lại cho ta. Nhưng thứ tiền nào thì để tiêu ở chợ ấy, óc khoa học không phải là để đem dùng ở cả mọi ngành, tức như mắt ta để trông, không dùng để sờ vấy

Pascal

thuở xưa đã so sánh óc quy củ (esprit de géométrie) với óc tinh nhuệ (esprit de finesse). Nhà thi sĩ diễn cảm súc mình ra thơ, nhà họa sĩ vẽ một cảnh yêu trên vải, nhạc sĩ ghi tấu lòng mình bằng những dấu ký âm, tất không dùng cái tinh thần của nhà hóa học khi tìm lý do một biến tượng của thể chất, cái nhà vật lý học tìm luật rơi của một vật trong không khí, sự đó ai ai cũng hiểu rất dễ dàng. Nhà bác học biết rằng ngoài khoa học có một thứ sản phẩm tinh thần gọi là văn chương, gọi là mỹ thuật đấy, mà ở nhân loại cũng đã có bao tài trí sáng tác thành công ở địa hạt đó, nhưng nhà bác học đứng dửng dối với những hoạt động văn chương và mỹ thuật, mà không bài bác gì cả. Cũng như một nhà nghệ sĩ, say mê trong con đường của mình không để ý đến cái hoạt động khoa học bên mình họ, mà họ biết là cũng có giá trị lắm. Ông giáo sư văn chương trào phúng kia có khi mỉa mát một anh học trò lý luận trong một bài văn như lý luận trong lời giải một bài tính kỷ hà, bảo: « Tôi gửi anh sang giáo sư toán học của anh », nhưng đó chỉ là một lời trào phúng mát mẻ, chứ giáo sư văn chương cũng vẫn thầm kính nể cái học văn của vị bác học kia, cũng như nhà giáo sư toán học ước đoán cái sâu sắc và giá trị của văn chương. Chứ không mấy nhà toán học gần gũi lại đi công kích văn chương và nghệ thuật, cũng như không mấy bác thợ giầy gần gũi công kích chê bai người bạn mình làm mũ ở bên cạnh không theo mình làm giầy. Lịch sử của Tây phương trái lại chứng tỏ rằng

có những nhà toán học nghe như ngây ngất bài Appassionate. có những thiên tài kỳ lạ gồm cả óc khoa học và óc thi sĩ.

Vậy thì ca tụng khoa học, ca tụng văn chương vẫn đều là phải cả. Những người lập chương trình học ở các trường trung học không e dè gì mà cho học trò học thuộc lòng một bài thơ của Musset cùng với một định lý kỷ-hà-học. Để cho các khối óc non nớt, sau bậc trung học tùy theo khuynh hướng, thiên chất của nó sẽ

quáng, khiến người ta thiên lệch. Nếu người sùng bài khoa học lại có thói độc đoán và hẹp hòi nữa thì người đó sẽ chỉ trích tất cả cái gì không là khoa học, thế như nhà toán học đọc một cuốn tiểu thuyết tâm lý bực mình vì không đặt câu truyện thành phương trình thức (équations) được. Bạo óc khoa học là hay, là tốt, nào ai phản kháng? Nhưng vì yêu khoa học mà nguyền biến mất hết cả các ngành hoạt động khác của tinh thần thì thực là một thái độ

những câu gọn ngắn hàm hồ không cho ta biết rõ duyên do tại sao), và tất cả những nhà triết học như Platon, Aristote, Socrate, Thomas d'Aquin, Malebranche Spinoza, Anatole France, Nietzsche, Bergson.. Những người ông sùng thượng là ai? Là Archimède, Ampère, là Newton. Nếu ta không kiên nhẫn thì đã phải bỏ đứt cuộc biện luận khi thấy nhà tác giả bác học ấy xếp vào hàng ngũ những tâm hồn « ốm yếu » những tư tưởng gia và nghệ sĩ như Anatole France, Bergson, những thiên tư lành mạnh lực lưỡng như Socrate

ÓC KHOA-HỌC CỦA MỘT VÀI NGƯỜI

ĐÌNH GIA TRINH

quái gở. Ông P.N.K. là một người có kiến thức khoa học về một ngành chuyên môn, nhưng có lẽ vì ông ham yêu cái khoa học thực nghiệm của Tây phương quá nên hầu như đã trở nên một người thөө thuyết « khoa học vạn năng » (Scientiste) tưởng rằng khoa học là cái chìa khoá mở hết các cửa và chỉ có óc khoa học là lành mạnh. Vì vậy ông hăm hở với tất cả các văn sĩ, thi sĩ, nghệ sĩ, triết gia không phải là triết gia duy vật, cho vào cái rọ của những người ông cho là « ốm yếu, lầy bầy » Platon nói rồn bảo đuổi tất cả các thi sĩ ra khỏi nước nhưng còn có nhĩ ý đặt những vành hoa khen tặng họ lên đầu. Goethe không thưởng thức nhạc sĩ Beethoven, nhưng chỉ im lặng. Tác giả cuốn « Óc khoa học » không có cả cái nhĩ ý ấy nên ông lãng mạ hết cả các văn sĩ, nghệ sĩ.... chỉ bởi lẽ ông không thưởng thức văn chương

Tác giả cuốn « Óc khoa học » có cãi lại đấy: « Tôi không phản đối văn chương và nghệ thuật... », nhưng đó chỉ là câu nói đưa đẩy qua quýt và gương gạo. Vì thực ra ông rất ghét văn chương và nghệ thuật. Ông coi Baudelaire, Verlaine là một lũ « truy lạc » còn có thể tạm thứ được, mặc dầu ta có thể giả nhời ông rằng cái đời tư, cái tư tưởng, tình tình của một người có thể xấu xa, truy lạc, nhưng cái tác phẩm hoàn toàn, trác tuyệt của họ lại là một truyện khác, và Verlaine là một người bē tha nhưng là một nghệ sĩ có giá trị. Nhưng ông kết án cả Musset, Lamartine, Gide. Gerald (kết án bằng

và Nietzsche.

Nói tóm lại: ông P.N.K. không thích văn chương, mỹ thuật, triết học duy tâm, ông chỉ thích khoa học. Khi người ta để ông chọn giữa Newton và Goethe thì ông sẽ không ngần ngại mà niu lấy Newton, như niu lấy người bạn yêu. Nếu như vậy thì ông cứ việc tổ bầy cái sở thích của ông. tại sao ông lại lấy dáng điệu khách quan khảo cứu về óc khoa học mà tự cho phép mình táo bạo bảo Goethe ốm mà Newton khoẻ, và kẻ làm bài thơ tả lại một niềm tình thì là ốm mà người đàn mắt vào ống kính hiển vi là khoẻ mạnh?

Rõ cái trạng thái tri thức ấy của ác giả, ta mới hiểu được cái luận điệu của ông trong cuốn « Óc khoa học ». Trừ có đoạn ông tóm tắt lại lịch sử tiến hóa của khoa học Âu Châu trong đó ông kể lẽ là hiển lảnh, còn ở đoạn ông dọn đường để đặt một ban thờ cho thần khoa học thì ông chặt phá bừa bãi và hấp tấp, phê phán « loạn xạ ». Sự thiếu suy tưởng đã khiến ông lảm lạp rất nhiều.

Trước hết ông xét về vấn đề nhận thức (problème de la connaissance). Khoa học mục đích là đi tìm sự thực (le vrai). Triết lý mục đích là đi tìm những sự thực căn nguyên và tối cao và lại có mục đích là đi tìm thiện (le bien) nữa. Nghệ thuật, và cái phần văn chương có tính cách mỹ phẩm theo đuổi một lý tưởng đẹp. Hãy lấy một thí dụ. Nhà thi sĩ hoặc văn sĩ là một cảm súc, một nỗi vui, buồn. Ý viết:

ỐC KHOA-HỌC CỦA MỘT VÀI NGƯỜI

« Một tình lặng ngấm bóng nga.

Ron đường gần với nỗi xa bời bời».

Thi sĩ hoặc văn sĩ vụ tả một tình, một ý, một cảnh đề gây nên ở lòng kẻ đọc một rung động mà Anatole France gọi là « le frisson du beau ». Không có cái mực chung nào để so sánh cái cảm động nghệ sĩ (émotion d'artiste) với cái lối nhận thức dùng lý trí để tìm « chân » và « thiện ». Lấy thí dụ một nỗi buồn. Nhà tâm lý học, đứng ở phương diện khoa học, phân tích tình buồn ấy, tìm căn do của nó theo luật nhân quả khoa học (déterminisme scientifique), dò xét xem một kỷ niệm tác động qua não cân, cơ thể ra sao, gây một trạng thái sinh lý ra sao để tạo nên một tình buồn. Nếu nhà tâm lý học ấy ưa đo lường thì lại có thể xem áp lực của mau chạy trong người ra sao, và các bộ phận cơ thể sống một nhịp thể nào trong lúc ta có tình ấy. Nhà tâm lý học dùng một phương pháp khoa học để nhận thức. Nhưng nhà thơ, nhà văn không tìm gì cả ngoài cái mục đích dùng sự khéo léo của văn từ tả cái tình ấy để làm truyền lan cái rung động của mình sang người đọc. Như nhạc sĩ dùng những thanh âm (gây trong trí óc người nghe những ấn tượng lơ mơ nhất) để làm súc cảm. Thi sĩ và nhạc sĩ có muốn nhận thức cái gì đâu? Tác giả quyển « Óc khoa học », vì không ưa xem văn chương và chỉ biết một cách đại cương và rất hàm hồ những nguyên tắc của nghệ thuật, vì đem cái óc của một người ưa toán và vật lý đọc một tác phẩm mỹ thuật, thấy nó chỉ đựng những cái gì không đo đạc, cân lường được, nên than phiền rằng lối nhận thức của các văn, thi sĩ hàm hồ, hỗn độn, mà không thấy rằng than phiền như thế là không hiểu nghệ thuật, và không hiểu cả thiên chức của khoa học nữa.

Còn có cái lầm lạc nào ngây thơ hơn nữa là đứng ở phương diện nhận thức mà xét đoán mỹ thuật và văn chương?

Sự lầm lạc ấy luôn luôn đi kèm với óc đảng phái. Ông P.N.K. ghét triết lý duy tâm, nên ông kết tội cả Nietzsche, Bergson... Ai tin theo được cái lối lập luận kỳ khôi ấy? Đầy không phải dịp ta phò bày những triết lý duy tâm và duy vật và cả những sự tranh luận bênh vực bên nọ chỉ trích bên kia, và ta mời ai muốn biết những

tranh biện đó hãy giở những cuốn sách triết học đầy rẫy ở thư viện và hàng sách. Ta chỉ cần nói rằng triết lý duy tâm có cái giá trị của nó cũng như có những nhược điểm, mà độc đoán một cách dễ dãi khi ta xét đoán các lý thuyết về triết học, e có thể bị người ta cho là mình chưa đạt tới một mực cao của tư tưởng. Socrate suy tưởng để tìm một con đường thiện, quay con mắt về bên trong để dò tìm tâm khảm, đã dùng một lối trong các lối nhận thức về tâm lý (introspection), sao tác giả lại có thể cho ông ta là nhận thức hồ đồ? Hay bởi ông ta không giải nghĩa một hành động của con người bằng lối cho vào một bầu thủy tinh chứa di truyền, chút phản động của cơ thể, chút áp lực của xã hội rồi đun lên như nhà hóa học chế một hợp chất? Nhưng tác giả há chẳng rõ rằng trong các khoa học về tâm linh, phương pháp không giống hẳn phương pháp khoa học về các thể chất bất động?

Vậy ông P. N. K. đã lầm khi ông chê cái lối nhận thức của nhà văn khi viết : « *Sương phủ rừng xa, chim gọi nhau bay về sau núi* » là kém cỏi.. Ông lại còn lầm to tât hơn nữa khi ông cho chỉ có người có óc khoa học là lạnh mạnh. Đối với ông thì Lý Thái Bạch, Đỗ Phủ, bà Thanh Quan, Shelley, Goethe chẳng hạn đều là những người « sa đọa » cả. Không còn có cái nguy hiểm nào tảo bạo đến thế nữa. Chỉ xin giả lời rằng Goethe đã viết quyển Werther, nhưng Goethe cũng đã là tác giả Faust, và Goethe là một thiên tài vĩ đại và lực lưỡng nhất của thi văn nghệ hoàn cầu. Nếu một phần công chúng bị cảm dỗ bởi cái lối lập luận « danh thép » và phũ phàng của ông P.N.K., thì có lẽ sau này một người không bao giờ dám thổ lộ một tâm sự bằng văn nữa, không bao giờ viết « *Chiều nay giờ đẹp* » nữa, vì một khi « *Sương phủ mặt nước* » còn không tha thứ được thì « *Chiều nay giờ đẹp*.. » tất cũng là một quái thai! Tác giả quyển « Óc khoa học », sẵn có một thanh kiến sai lầm trong óc, nên ông cho rằng viết một trang văn trong đó có kỷ niệm, nhớ tiếc, thất vọng, là ồm yếu rồi. Ông quên mất rằng một nghệ sĩ có thể là một chiến sĩ (Goethe, Lamartine, Vigny, Strauss), và căn cứ vào một tác phẩm, một trang văn mà xét đoán tâm hồn người ta

ỐC KHOA-HỌC CỦA MỘT VÀI NGƯỜI

thì cũng như người thầy thuốc gặp tôi hôm nay nhưc đầu bảo rằng tôi là một người tàng tật.

Chẳng qua Phạm quân là một người ưa lý trí (un intellectuel), ghét những biểu lộ tình cảm, nên đã phạm vào cái lầm mà các thế kỷ đã phê phán của Montesquieu khi ông mặt sát « thi sĩ và tiểu thuyết gia ». Ông cho rằng cảm súc là sa đọa, buồn là ốm yếu, quên rằng không có cảm súc thì không có văn thơ và cái buồn thành thực làm tài liệu một mỹ phẩm là một tâm trạng mà mọi người đều cảm mà riêng nhà thơ diễn ra văn. Ông đã lầm cái buồn chán trụy lạc đưa đến sự ngơ ngác uể oải trong hoạt động với cái buồn rất lành mạnh tuy sâu xa, nó là tài sản của những thiên tài về nghệ thuật. Ông ưa nghe Beethoven, Mozart, Wagner hay là thích nghe một thứ Jazz rộn rịp một nỗi vui thô thiển hạ cấp ở các tiệm ăn? Tôi phải tự hỏi như vậy vì Phạm quân đã ngộ ý trong cuốn « Ốc khoa học » ưa người mai bản không nghĩ văn hơn một giáo sư giảng dẫn thơ và văn (âu cũng là một ý nghĩ ngộ nghĩnh).

Ông viết: « Nếu văn chương và nghệ thuật làm cho trí não con người sa đọa đến thế, thì thà không có còn hơn ». Câu đó cho ta hiểu rõ thái độ của ông: ông chẳng ưa gì văn chương, nghệ thuật, và ông mong không có những hoạt động ấy nữa, vì cái rung động, cái không sờ mó, kiểm điểm được, tài liệu của nghệ sĩ, ông cho là biểu hiện của sự sa đọa!

Đề bênh vực hộ tác giả ta có thể bảo: « Ông P.N.K. không mặt sát văn chương và văn sĩ, nghệ thuật và nghệ sĩ (vì như vậy thì cũng vô ý thức như một nhà văn mặt sát khoa học và khoa học gia), ông chỉ muốn công kích một thứ văn chương ủy mị đó thôi ». Nhưng lời bênh vực ấy rất gượng gạo và yếu ớt, nó không chịu nổi một sự kiểm sát sơ sài. Nếu muốn công kích văn chương ủy mị thì phải đứng ở trong địa hạt văn chương mà biện luận chứ. Lasserre và các nhà phê bình văn chương khác khi công kích phải lảng mạn ở Pháp đều là đứng ở lập trường văn chương, và là những nhà văn. Phạm quân đứng ở địa hạt khoa học

chỉ trích văn chương và nghệ thuật, không phải chỉ một thứ văn chương ủy mị yếu ớt dẫu, mà tất cả văn chương và nghệ thuật trong cái nguyên tắc sáng tạo của nó, thì có khác chỉ một thi sĩ đứng ở đất thơ chề nhả bác học thô lỗ, chỉ biết toan sô, chỉ biết luận lý: « Vậy thì... rồi đến... » mà không biết thưởng thức những đẹp tế nhị của nghệ thuật. Hoặc nếu Phạm quân chỉ muốn khảo cứu về khoa học và những thứ óc phải ngược lại với óc khoa học thì mặt sát cái thói tư tưởng hàm hồ cần thả của những kẻ tìm hiểu biết, của những kẻ hoạt động trong ngành khoa học có phải là hợp lý không? Không thể, tác giả lại chỉ trích cái tư tưởng, cảm súc mà tác giả cho là hàm hồ, hỗn độn, của những người theo đuổi một mục đích sáng tạo khác hẳn với mục đích khoa học, dùng một phương pháp làm việc có những đặc tính riêng của nó. Tác giả bảo: « Hỗn độn thì không tìm thấy định lý Pythagore đâu? » Những nghệ sĩ giả lời: « Tôi ở bao giờ đi tìm định lý Pythagore? »

Sự thất sách và phương pháp phê bình ấy đã rõ rệt quá trong cuốn sách của ông P.N.K. mà khiến cho tác phẩm của ông giảm một phần giá trị không phải là nhỏ. Một thất sách nữa: đề thêm sức mạnh cho tư tưởng của ông, ông trích kê toàn những lời của kỹ sư, giáo sư khoa học công kích những lối nhận thức sai lầm ở khoa học. Không có một nhà văn nào được ông đem xia với tư tưởng.

. . .

Mãi xét cái phương pháp phê bình của tác giả quyển « Ốc khoa học », ta chưa nói qua đến nội dung cuốn sách ấy. Phần xét về óc khoa học và về lịch sử tiến hóa của óc khoa học không có gì đáng nói. Cái bảng hoạt động khoa học nhiều ên, niên kỷ và lý thuyết, viết cũng rành mạch, nhưng có chút khó khăn và gian ước, khó dễ người chỉ biết quốc văn đọc hầy hửng hứ. Ở phần thứ nhất, xét về vấn đề nhận thức, tác giả kết tội mấy thứ óc như óc lự nguy, trong đó tác giả thấy có óc của bọn cừu nhò. Ta phải nhận rằng tác giả lập án cái óc hàm hồ cần coi của cừu nhò van là đích đáng, vì vấn đề nhận thức bị liên can đến. Tinh thần nhò si ngay xưa chỉ

trên các ngai giảng giáo với những tình vay mượn, bị câu thúc trong những khuôn khổ tư tưởng eo hẹp, không thể sản xuất ra cái gì mới mẻ cả. Vì vậy khoa học không phát triển, mà triết lý không có cửa sổ đón khí giới bên ngoài. (Tuy vậy sự kiểm sát tư tưởng Khổng giáo của tác giả cũng hiểu chặc chẵn. Căn cứ vào mấy quyển sách của ông Granet hoặc của ông Trần-trọng-Kim mà phỉ báng toàn thể cái tư tưởng hệ và cái phương pháp của Khổng-ử, cả ở trong phạm vi luân lý nữa thì cũng có chút vơi vãng) Nhưng khi nói đến trí thức tân nho thì ông tỏ rõ tinh thiên lệch và độc đoán của ông quá đỗi. Ông công kích những người tân học viết một vài bài văn tả kỷ niệm, công kích các thi sĩ và tiểu thuyết gia tả những niềm tình uẩn khúc. (Tuy chề *Tổ-Tám* và *Giọt lệ thu*, cái lối lãng mạn sướt mướt và dài dãi vẫn là phải). Ông sáo trộn, cả thứ văn hay lẫn thứ văn xấu, rồi tới khi ông lôi cả Bergson, Nietzsche vào một hội với những kẻ bị kết án thì ta phải sùng sốt mà tự hỏi không biết ông công kích văn chương ẻo lả (nhưng ông có phê bình văn học trong cuốn sách của ông đâu?) hay là tất cả văn chương? Ông ưa cực đoan và thiếu óc thận trọng của nhà phê bình, thực hiện. Ông không cần nhắc lời noi, ông viết văn với rất nhiều dục vọng, nên không thể tạo nên được một công trình khách quan vững chãi, tựa như thuở xưa Michelet viết lịch sử vậy. Ông ca tụng óc khoa học, nhưng có lẽ ông đã phạm lỗi nhiều với chính thần khoa học vì ông thường suy xét phán đoán không kiểm điểm trước: Óc nho sĩ khi xưa không phải hoàn toàn là « thứ óc chim ngáp trong những suy tưởng lơ mơ về đạo đức và nhuộm ít màu triết lý suông. Và Pascal, Valéry, Duhamel không đến nỗi ở một đầu thái cực đối với Lamar-tine, Verlaine, Gide, như tác giả cuốn « Óc khoa học » đã uởng.

Phạm-quân có lúc biện luận hàm hồ khiến ta nghi rằng ông là một tín đồ mới thụ giáo của khoa học, bài bác tất cả cái gì không là khoa học thái tây, tựa như nhà y-khoa bác-sĩ tân học nhầm mắt mà bài xích y học Đông phương hơn cả người Tây phương. Chẳng chịu đem cái tài học của mình xét cái phương pháp cổ đã dùng để chữa bệnh cho bao nhiêu triệu người trong bao nhiêu thế kỷ. Ưu khoa học Tây phương quá, không thấy rằng ở tinh thần Đông phương có cái mạnh mẽ, siêu việt

và giá trị của nó. Ưu khoa học thực nghiệm quá, tin rằng chỉ có khoa học là giảng giải được hết cả, quên rằng ở một bậc tư tưởng cao cấp ở Tây phương, người ta đã nhận thấy có một địa phận mà lối thông hiểu suy xét bằng lý trí của người ta bất lực. (Xem Pascal, Montaigne, Littré, Kant, Comte). Theo Pascal lý trí luận lý (raison raisonnée) của người ta hoàn toàn bất lực trước những vấn đề siêu lý. Cái lý trí lý luận ấy chỉ có thể dùng một cách vẽ vang rạng rỡ trong những khoa học về thể chất bất động (science de la matière inerte). Về luân lý, tâm hồn đã phải dùng những khiêu khác pha vào lý trí để suy xét. Trong tôn giáo, lý trí có lẽ chỉ là một trở lực. Phạm-quân kết án mê tín, không đi phải kháng, nhưng khi ông bảo những nhà siêu hình học ở Âu châu là những người loạn óc thì cũng hơi quá đáng.

Ưu khoa học, ông quên đề ý đến một thí dụ trong lịch sử các dân tộc: nước Đức là quốc gia của Goethe, của Beethoven, của Kant, mà lại là tổ quốc của những nhà bác học đại danh. Một nước của thi sĩ và của siêu lý học giả (pays de poètes et de métaphysiciens — Mme de Staël), mà cũng lại là nước của cơ khí, máy móc. Hoạt động tinh thần nào không có cái giá của nó, mà tại sao Phạm-quân lại không hiểu rằng nó quân binh mới là khỏe mạnh? Gần đây có một vài nhà nho cổ đọc mấy quyển vật lý học và hóa học của Pháp, tròn đầu bay, ô tô, vọi hấp tấp khuyên thanh niên ta chỉ nên đọc sách khoa học của Tây phương, mà bỏ hết các sách khác (*Thái-Phỉ* (Một nền giáo dục Việt-Nam mới) *Nguyễn-Triệu-Luật* (Văn-Hòa)). Ta chẳng cần nhắc lại lời quá khích của Anatole France (« Một bài 'hơ nhỏ làm rung động a còn hơn tất cả bao nhiêu sách chen nhồi những học cơ khí của các anh »), chỉ cần nói rằng muốn một nước mạnh mẽ, không phải chỉ nhồi vào sọ mọi người vật lý, hóa học, toán học, mà còn cần phải gây cho quốc dân những tha thiết, những hoài vọng mà văn chương và triết lý sẽ đem đến. Cái mà ta cần biết là khoa học Tây phương, nhưng lại còn là cái triết lý hệ của Tây phương, cái lửa thiết tha, những nguyên tắc của hành động mà khoa học không chỉ dẫn cho ta thấy được. Cho nên khi người ta muốn bắt các trí thức hoạt động theo một chiều của khoa học thì người ta đã ngó nhận về thực trạng của đời sống một đại dân tộc lầm vậy.

Nếu quyền sách của ông P.N.K. chỉ bàn luận về óc khoa học không thôi, và nếu ông không phê bình, chạm mó gì tới văn chương, mỹ thuật và triết lý thì nó hẳn có đôi chút giá trị vì nó phổ thông cho người ta chút kiến thức sơ lược về khoa học. Nhưng vì tác giả lại phê phán cả văn chương, nghệ thuật, triết lý nữa, trong một cuốn sách nhỏ bé, nên luận điệu tuy rõ ràng, bạo dạn, nhưng không dấu nổi sự mâu thuẫn và nóng cạn trong tư tưởng. Tác giả đã có dịp, trong một vài cuốn sách trước, trong một vài bài báo, cho ta hiểu cái đáng điệu tinh thần của ông. Phạm quân có một nhân sinh quan yêu thích, rồi cứ nhện mọi vật qua cái nhân sinh quan ấy, đập phá bừa bãi như một viên tướng hung hăng, chẳng kiêng nể gì ai cả, mà cũng không tự hỏi trong khi đập phá như vậy có chạm phải một pho linh tượng nào hoặc những đồ châu ngọc nào không.

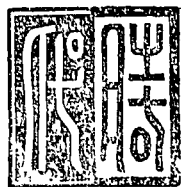
Tuy vậy nghệ thuật và văn chương vẫn sống mặc dầu cái thù ghét của tác giả cuốn « Óc khoa học », muốn đối ở các thư viện hoàn toàn một phần lớn các sản phẩm của trí

thức, cũng như nó vẫn phát triển mặc dầu ước ước của Calvin : « Nếu văn chương, khoa học làm cho con người xa Thượng Đế thì tôi mong cho nó tiêu diệt cả đi ».

Kết luận : ta có thể viết một cuốn sách « Óc nghệ sĩ » để đối lại với « Óc khoa học » của Phạm quân. Khởi đầu ta mặt sát cái thứ óc mà ta gọi là thờ hiên (để đáp lại : sa đọa) của các nhà bác học chỉ cặm cụi với con sâu, con bọ, lọ cường oan, ống kính hiển vi, guồng máy móc, mà không biết những phút mê say khoái trá của nghệ sĩ sáng tạo đẹp, ta bắt chước như nhà danh sĩ Pháp no khinh cái óc cơ giới của dân Mỹ không thể hiểu được Musset (nước Pháp sở dĩ là một nước lớn là vì vừa có Pas eur, vừa có Musset). Rồi sau ta tả đến phương pháp làm việc của nghệ sĩ, kể lịch trình tiến hóa của nghệ thuật. Nhưng ta không có can đảm viết một cuốn sách vô ý thức như thế, vì tuy là nhà văn ta vẫn rạo khoa học, và nếu ta có bỏ nghề văn làm một nhà hóa học, khi ấy ta sẽ dùng óc khoa học, vì là lẽ đương nhiên vậy.

ĐÌNH GIA TRINH

**ĐÁ
CÓ
BÁN**



NHÀ XUẤT BẢN THỜI-ĐẠI

Số 214, Hàng Bông — HÀ NỘI

Ngân-phiếu đề cho: **Ô. ĐỖ-HUÂN**

ĐẠI LÝ KÍP BIÊN THƯ DÀNH TRƯỚC SỐ SÁCH MÌNH CẦN BÁN:

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ

Giá: 1\$25

Thanh niên, một bức thư cần kíp gửi cho Anh.
của **HOÀNG-ĐẠO-THÚY**

TRUYỆN CỔ NƯỚC NAM

Giá: 2\$60

«...Làm người Nam nên biết truyện cổ nước Nam. Tinh thần người Nam hiện ra ở đấy, tinh-hoa nước Nam muốn lưu lại cũng ở đấy »
Ôn-Như NGUYỄN-VĂN-NGỌC

VIỆT-NAM NHẠC PHỔ

Đã có 4 bản, mỗi bản 0\$20

Những điệu chèo cổ do Nhạc-Sĩ **NGUYỄN XUÂN-KHOÁT** ghi chép bằng ký-âm-pháp Âu-tây.

THI

(Tiếp theo)

MỖI buổi tối, Lương chùi chân nó rồi đặt nó lên bàn giấy. Nếu là mùa rét thì anh mang cái rổ đựng bình nước để nó nằm trên nắp bông cho ấm.

Anh nghĩ thầm:

— Các nhà văn ai cũng yêu mèo. Beaudelaire ca tụng giống đó trong một bài thơ bất hủ. Nữ sĩ Collette đi đâu cũng mang một con mèo theo. Còn Ana'ole France, thì ỉ cũng biết ông ta có Hamilcar « vị hoàng tử mơ mộng của thư thành ». Duy chỉ có Maeterlinck và Guy de Maupassant là nghi kỵ và không ưa, nhất là ông này, vì trong chuyện « Về giống mèo » ông ta đã noi đến chúng bằng những lời không lấy gì làm êm ngọt lắm. Nhưng ta, ta sẽ yêu Thi, Ta sẽ yêu Thi mãi mãi, vì Thi hiền lành và Thi kín đáo như một thầy tu. Có phải không Thi?

Thi gù gù và khép đôi mắt lại, như ý ưng lời Lương nói, Lương vuốt trán nó cười rồi cúi xuống loay hoay viết. Vì anh cũng viết, mà viết rất nhiều. Không phải anh viết thư, vì chẳng lẽ viết cho ai mà tối nào cũng thức đến khuya? Vả lại thư tư gì mà cứ dập dập xóa, có lúc lại vò nát mấy tờ mà ném vào sọt giấy? Vậy không à, biết Lương viết quái quỷ gì, vì không bao giờ anh nói với ai, và những tập giấy anh bôi bác chỉ nằm kín trong ngăn kéo mà chìa khóa không rời khỏi túi anh một lúc nào.

Hình như Thi cũng không quan tâm điều ấy lắm. Nó mặc cho Lương muốn xé bao nhiêu giấy cũng không tỏ vẻ lạ lùng một mảy may. Nó nằm tròn trên giỏ nước, mũi dướ vào chân, hai mắt nhắm lại thành hai vệt đen nhỏ tí. Tiếng ngòi bút của Lương cạo đều như ru nó ngủ. Nhưng nhớ có lúc một tiếng « Soạt! » mạnh làm nó giật mình, Thi lại nghe cồ lên, đưa mắt lim dim nhìn Lương như ý trách: « Có đề cho người ta ngủ không? ».

Nếu Lương không đề ý, cứ cầm đầu viết tràn, thì Thi lặng lẽ trông anh ta vạch mãi miết những nét cong queo, rậm rạp: rồi lại quay đầu đi mà nghĩ thầm: « Anh này điên! Ngủ như ta có phải tốt hơn không? Cào mãi những vết đen sì ấy để làm gì? ».

Cũng có hôm Thi cún nằm trên bàn, vuồn hai chân trước và cong mình lên gian lưng, rồi lẳng lặng bước qua trang sách mà nhảy xuống lòng Lương.

Lương đề mực không đủ. Thi nép đầu vào mép áo anh và đưa từ trong cuống họng ra những tiếng rền rền bằng lòng như tiếng say thốc nghe qua hàng dậu trong đêm tĩnh.

HU'ÔNG MINH

Lương khẽ lấy vạt áo phủ lên mình nó, rồi lại yên lặng làm việc mình.

Một hôm đi làm về, Lương vừa bước lên thang gác vừa gọi:

— Thi! Thi!

Tiếng anh ta có một giọng âu yếm, nũng nịu, khiến ai nghe thấy cũng không thể ngờ anh gọi một con mèo.

Không thấy tiếng đáp lại, Lương ngạc nhiên và không hiểu vì lẽ gì Thi không ngồi chồm-chệ ở bậc thang trên cùng như mọi hôm để đợi đón anh. Anh nghĩ thầm:

— Chắc Thi ngủ.

Và thân-nhiên, anh huýt sáo miệng, treo mũ lên mắc, ung dung cởi áo rồi mới bước vào buồng. Cái đệm trống không.

Lương mỉm cười nhạo mình:

— Đoán sai nhé! Thi ở ngoài hiên kia!

Anh ta ra hiên. Nhưng Thi không có đấy. Anh gọi ba, bốn tiếng và cúi nhìn dưới bàn rửa mặt. Không thấy. Anh ta lại sục vào trong nhà, nhìn gầm giường lượt nữa. Vẫn không thấy. Ô hay! Vậy Thi ẩn số nào? Lương bắt đầu lo ngại, bảo Nghệ xuống nhà dưới tìm.

— Chắc nó lại lên xuống đấy ăn sương cá nhà bà Nam.

Bà Năm là chủ nhà. Bà cũng mến Thi và khi vắng Lương, vẫn gọi cho nó ăn luôn. Lương ra cửa sỏ, khép sắn hai cánh lại và lẩm bầm;

— Về đây! Cho vào sà-lim! Đêm bỏ nhà đi chơi! Láo thật!

Nghệ bước lên, báo rằng:

— Con tìm ở nhà dưới không thấy.

Nhà dưới cũng không thấy? Thế là nghĩa lý gì? Bấy giờ Lương mới thật băn-khoăn lo ngại Thi đi đâu? Nhà bên cạnh chẳng? Không có lẽ: Thi không sang đấy bao giờ. Hay là nó xuống đường bị đưa nào bắt mất??.

Thốt nhiên, Lương giật mình như vừa trông thấy một tai biến. Nhưng anh ta không dám nghĩ điều ấy, vì sợ nghĩ thế không khéo Thi bị bắt trộm thật chẳng. Vô-tình anh đã trở nên mê-tia. Nhưng đầu sao, còn một hi-vọng cuối cùng, Lương cũng sai Nghệ sang nhà bên cạnh.

Anh ta rất muốn tin lời nó bảo anh, một lời mà anh hiểu là cốt an-ủi hơn là dựa vào những bằng cứ chắc chắn:

— Thưa cậu con mèo không thể mất được! Con chắc nó chỉ chạy quanh đâu đó rồi lại trở về.

Nếu thật như thế...!

Lương ngồi vào bàn ăn, trong lòng vô cùng áy náy và cảm thấy thiếu-thốn vì không có Thi quanh quần bên chân, đợi những miếng thịt anh ném xuống cho. Anh cũng biết sôi nổi vì một con mèo là quá đáng. Anh muốn ăn thần nhiên như mọi ngày, muốn nghĩ sang điều khác. Nhưng vô-tình mắt anh vẫn đưa nhìn thang gác và lòng anh vẫn hồi-hộp mong mỗi Nghệ nhỏ đầu lên với một vật trắng ở trong tay. Chỉ thoáng qua vậy, anh cũng đủ nhận được nó rồi!

Nhưng Nghệ trở về không. Lương cúi kính mắng nó:

— Ở nhà có con mèo mà cũng để nó đi mất được!

Nhưng anh thấy ngay cái vô-lý trong câu mắng ấy, vì Nghệ không phải chỉ có một việc coi mèo. Anh im lặng không nói gì thêm nữa, và buồn rầu nhìn đĩa cơm đầy với bát nước để dẫn đợi Thi. Sự vắng vẻ ở những nơi nó nằm quen khiến anh tưởng như nó chết.Ừ, nhưng tha nó chết, anh sẽ hương-tiệc ma không bức rộc. Đàng này không! Nó bị một thằng kẻ cắp mang đi; chắc hẳn ấy đánh nó, khi nó rầy rụa và giờ móng ra cào dề có thoát chạy về. Tội ư ăp! Rồi thằng ấy đem bán nó một cách lên lù lấy một vài hào. Thằng khốn nạn! Một vài hào! Đó là giá-trị con mèo của Lương nuôi giầy và ôm-áp bấy lâu!

Lương giờ anh nó ra xem lại. Trông đôi mắt sáng của nó, anh càng thêm giận quân ăn cắp. Muốn cắt đoạn những ý-nghĩ khó chịu, anh cầm tờ báo xem và lăm bằm một mình:

— Mất thì thôi! Không nghĩ đến nó nữa!

Nhưng anh vẫn nghĩ đến nó hoài. Hình ảnh Thi vẫn lưu-luyến lòng anh. Lương nhớ có lần nghe người ta kể chuyện một con mèo có nghĩa, đi xa ít lâu lại trở về nhà chủ cũ. Nhưng đây là chuyện ở mãi đầu đầu, chứ ở Hà-nội nay người đi có lạc, hướng chi... Mặc dầu, anh cũng mong mỗi, tuy không tin sự ấy có được.

Buổi chiều ở sở về gần đến nhà, Lương lần thần đánh đuộc với mình:

— Bây giờ nếu ta đi từ đây tới cửa được hơn ba mươi bước, thì lên gác ta sẽ thấy Thi. Nếu kém con số ấy là hỏng.

Tuy biết đánh cuộc vậy là tối vô-ý-thức, nhưng Lương cũng bắt đầu đếm. Rồi liệu quãng đường không đủ ba mươi bước, anh bắt giắc kim chân rút ngắn bước đi. Anh thật không ngờ rằng đã đề cả thông-minh và tướng-tượng vào trong trò chơi ấy.

Nhưng bằng ấy ý-tử cũng không tránh khỏi, câu trả lời của Nghệ, buông lạch lùng như một chiếc lá khô:

— Thi vẫn không về!

...

Tối hôm ấy, Lương làm việc ở bàn giấy, thỉnh-thoảng lại giắt mình nghe một tiếng meo kêu ở

đầu gần. Anh biết không phải là Thi nhưng một sự ao-ước vô lý, ngấm lấm, vẫn thao thức trong lòng và bảo thầm không chừng Thi đang đợi ở dưới cầu thang. Mấy lần Lương toan đứng lên, rồi lại hăm mình ngồi yên và cầm chắc quần but để viết lia lịa những giòng đơn kịt.

Nhưng mỗi lúc ngừng tay, trong chớp thoảng một giây, Lương lại cảm thấy một sự cô-quạnh, một nỗi vô-liệu, dịu hiu như quãng vắng gia lạnh như gió ngàn, một mối buồn vương-vật và ám ảnh róc vào lòng anh như nguồn nước rỉ âm thầm. Bây giờ Lương mới nhận rõ sự đơn-chiếc của mình, nỗi đơn-chiếc của một kẻ không có một linh hồn nào an-ủi.

Trước kia, có Thi, Lương ngẩng mặt trên trang g ấy là gặp đôi mắt tròn lạng-lẽ nhìn anh như thăm bảo rằng lúc nào ở bên anh cũng vẫn sống một tâm tình quyến-luyến. Như vậy anh thấy yên ổn và ấm trong tim. Anh được đêm kẻ tới ở một tâm hồn. Và anh tự-hào vì

Bây giờ... Lương bỗng thành lơ-lơ, lơ-lơ quá!

Lương làm việc mãi miết đến khuya cho thật mệt để lúc đi nằm có thể ngủ ngay. Nhưng hình ảnh Thi lại theo dõi anh trong giấc ngủ.

Anh mơ thấy Thi bị hăm trong mộ cái vườn hoang, trên một đường cao lắm. Nó nhìn anh mà kêu gọi thiết tha đến lạc cả tiếng, như con đe của lão Séguin đứng chênh vênh trên bờ vực thẳm. Đôi mắt nó xanh lè vì sợ, dán vào Lương như van lơn cầu cứu với một vẻ vô cùng khôn-dốn. Nó tìm chỗ tường đe xuống, nhưng chỉ mon men rồi lại không dám nhảy. Và cứ thế, nó đi lại trên tường không biết bao nhiêu lần, Lương bằm vào một màu gạch đe treo lên cuu nó, nhưng anh say tay ngã vào một cái hố sâu.

Giật mình tỉnh dậy, Lương mở mắt bàng hoàng và trông trông thấy trong đêm tối đôi mắt xanh lét của Thi.

Hôm sau là chủ-nhật, Lương ngủ mai đến chín giờ mới dậy. Rửa mặt xong, ra ngồi bàn giấy, anh không thấy mình phấn-khởi để làm việc như mọi ngày. Anh cầm một tờ báo, giờ xem vài trang một cách ơ hờ. Rồi một lát, Nghệ len pha nước nói:

Thưa cậu, con Thi...

Lương chột dạ, quay phắt mình lại:

— Trilam sao?

— Thưa cậu nó chết. Yên lặng một giây, Nghệ nói thêm rằng: Con không hiểu tại sao. Sáng nay có người bảo trông thấy một con mèo ở trong cửa công gần nhà. Con ra xem thì chính là Thi. Con gọi, nó không thưa. Con lấy gậy thúc, thì nó đã cứng đờ tư bao giờ.

(Xem tiếp trang 23)

XÃ - HỘI VIỆT - NAM TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHẦN dịch

BÀI THỨ 15

V. — Jean Baptiste Tavernier

Chương thứ nhất

Bản qua về Đàng ngoài (Royaume de Tunquin) và tại sao tác giả lại biết xứ ấy.

Xứ Đàng ngoài từ lâu lắm không được các nước Âu châu biết đến; đôi khi có người viết sách đủ kỹ thì lại không biết rõ xứ này, hoặc tri nhớ không được tình tường chắc chắn cho lắm. Nói thế không phải để chỉ trích họ. Tập sách tôi đem xuất bản đây là nhờ em tôi (chuyến thứ hai sang Ấn-Độ, tôi đem em tôi theo; từ Batavia, Bantam hoặc Achem nó có qua Đàng ngoài một mười hai chuyến) giúp tôi khi ở Batavia và Bantam, tôi còn được gặp nhiều người Đàng ngoài sang buôn bán, họ có chỉ dẫn cho tôi nhiều điều về xứ họ; đi với những ông này có nhiều nha sư trông nom việc cúng lễ và nhiều văn nhân đề giấy đồ con cháu các ông lái, vì các ông này đem gia-dính theo; các tăng nhân và nho gia ở đây đã vui lòng giúp tôi biết rõ xứ Đàng ngoài. Trái lại tôi cũng nổi cho họ hiểu nền chính trị nước Pháp ta thế nào, tôi đem bày cho họ xem tập địa đồ thế giới, nhiều địa đồ riêng từng vùng và chỉ cho họ hiểu mặt đất sắp đặt thế nào và có những nước nào. Họ hoan hỉ lắm.

Đọc những tập du ký này đọc giả vui thích nhất khi biết chắc rằng sách viết đúng sự thật và tác giả thành thực, không có ý đánh lừa người đọc. Em tôi vốn dĩ là người táo bạo hay bon chen, lại thích du lịch như tôi; nên lúc ở Ấn-độ nghe người ta đồn ở xứ Đàng ngoài có nhiều san vật lạ, quyết định sang ngay, nhân nó lại có khiêu học các thứ tiếng rất mau, nó biết ngay được tiếng Mã-lai là thứ tiếng được các nhà thông thái trong những vùng này thông dụng như tiếng La-tinh bên Âu-châu ta.

Nó được rõ rằng bên xứ ấy tơ lụa, xạ hương, và nhiều hàng hóa bán rẻ hơn mọi nơi và trong việc buôn bán người ta còn trọng sự tin thực. Thăm hỏi xong rồi nó sửa soạn một chiếc thuyền và nhờ chiếc này các lộ trình nó đều may mắn cả.

Bao giờ nó cũng mang theo trong người nó một số tiền khá lớn và bao giờ nó cũng có sẵn ít nhiều đồ vật nhỏ nhỏ lặt vặt để làm quà cho Quốc-vương và các vị Đình-Thần (vị ở các xứ Đông-Phương, không nên di tay không vào bề kiến các vua chúa hay ra mắt các đại thần bao giờ). Nhờ vậy nó được tiếp đãi tử tế khi nó mới bước chân đến đất này; viên quan Thương-chính nó lên chào đầu tiên và được nó tặng một chiếc đồng hồ có quả nặng (horloge à poids), một đôi súng tay và hai bức tranh mỹ nữ, lên báo tin nó đến cho đức Vua. Ngài truyền lệnh cho nó vào triều kiến: tại triều, nó làm cho mọi người ngạc nhiên sao lại có một người đi khỏi quê hương xa thế, mà lại nổi tiếng mã-lai giỏi như thế. Đức vua tiếp đón nó rất ân cần và vui lòng thu nhận những phẩm vật nó dâng tặng: một thanh gươm có chuôi và cán bằng vàng nạm ngọc hồng và ngọc bích, lưỡi rộng, hai ngọn tay, chỉ mài sắc một bên như kiếm gươm bản xứ; một đôi súng có bịt bạc; một yên ngựa kiểu Ba-tư thêu chỉ vàng chỉ bạc có giây cương; một chiếc cung có tên và ống đựng và sáu bức tranh mỹ nữ cùng kiểu với những chiếc nó đã cho viên quan thương chính, những phẩm vật này làm đẹp lòng đức vua lắm. Ngài rút gươm ra khỏi bao để ngắm nghía cho kỹ; một hoàng tử cũng cầm thử xem có vừa tay không rồi đứng vào thế sắp chém địch thủ một nhát; hoàng tử đứng rất đẹp nhưng theo lời ben này, nên em tôi có xin phép đức vua chỉ cho ông hoàng hiểu cách đánh gươm ở bên Pháp. Đức vua rất vui thích (vì nếu đọc

giả cho phép tôi nói rõ về em tôi, thì tôi xin nói thêm rằng thân hình nó rất đẹp, rất cân đối và trong các phòng đấu kiếm nó không thua ai bao giờ và hồi niên thiếu nó có theo học các trường dạy đấu kiếm và nó đã không phí thì giờ).

Đấy lần đầu tiên nó được vào bệ kiến vua xứ Đàng ngoài như thế nào; nó có qua lại xứ ấy nhiều bận và mỗi bận nó đều được biệt đãi thêm: nó được lòng đức vua và các đình thần, nhất là vì nó thích đánh bạc với các ngài; tính lại liêu, có một lần nó thua hơn hai vạn écus. Nhưng đức vua vốn tính quảng đại, không muốn nó thiệt và có đền bù cho nó nhiều.

Nó đã ở lâu năm tại xứ Đàng ngoài, được ra vào chốn triều trung, lại quen nghề buôn bán trong nước, cái gì nó cũng tò mò, nên tôi đã tra cứu tập kỷ ức của nó để viết cuốn du ký này. Nhưng tôi có thể nói rằng tôi cũng có dùng những điều tư tôi ghi chép, tôi đã tiếp chuyện nhiều người Đàng ngoài sang buôn bán bên Batavia và Bantam và đã khoản đãi họ để biết thêm phong tục và nghi lễ của họ. Họ cũng ước ao tôi đem phong tục và nghi lễ nước ta nói cho họ nghe, họ thích lắm. Bên họ cũng như bên ta, muốn vào hàng, quý phái phải có chiến công rực rỡ, phải có tài điều đình ngoại giao hoặc đã làm được một việc gì to tát, ích quốc lợi dân, và học hành giỏi giang có thể giữ được những chức cao trong ngạch tư pháp, hành chính và trong hội đồng cơ mật của vua

(còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG PHẤN

SẮP CỐ BẢN:

NGUYỄN TUÂN
QUÊ HƯƠNG

tức

THIỆU QUÊ HƯƠNG

Gần 500 trang — Ấn loát cộng phụ
Bản thường: 4\$50. Bản quý: 20\$00

ANH HOA

69, Rue du Charbon, HANOI

- Thư và tiền đề tên ông: MAI VĂN PHÚC

THI

(Tiếp theo trang 23)

bao hình như đã bao cho tâm-linh anh biết trước.

Uề-oải cầm lấy bút, anh định viết tiếp trang sách bỏ giờ tối qua. Nhưng anh lại ngừng tay và ngược mắt nhìn lịch mơ-màng Anh nghĩ ngợi.

Anh nghĩ ngợi và tự hỏi rằng anh viết để làm chi? Anh bộp trán bối hoài bao nhiêu trang giấy, sống ngày ấy sang ngày khác trong một căn buồng, không biết chi đến thú vui say đắm của tuổi thiếu niên. Anh tự tạo một cảnh đời tẻ-ch-mich, cô lạnh trái ngược với những sở-thích đam-mê để đắm mình trong đời tâm tưởng. Vậy mà những tập giấy nọ không làm cho anh hài lòng, thường khi cũng không an ủi được anh. Sao anh không sống như người khác? Anh theo đuổi mộng hão huyền chi? Những giọng vô-vị, viết nên, có ai đọc đến một ngày kia không? Và có ai vì nó mà thuật cái tiêu-sử nhạt nhẽo, lạnh lùng của anh chăng?

Lương lắc đầu nói thầm như tiếp theo ý tưởng mình:

— Cái tiêu-sử hay nhất có lẽ là tiêu-sử của Thi kể làm chứng cho những sự tìm tòi đau đớn của một tâm-hồn. Ái là ta hãy ghi lấy trong lòng cái điểm linh-hồn yêu đời ấy.

Lương trông vào gương thấy nét mặt mình thanh-thản hơn ban nãy. Anh lục tấm ảnh của Thi và đề mấy chữ ở sau:

THI YÊU QUÝ

đã sống với Lương, từ ngày 22 Aout 1937

đến ngày 30 Janvier 1938

Rồi đề tấm ảnh một bên, anh rút tập giấy mời vuốt tay lên như xoa một lượt bụi mờ cho bao nhiêu ý tưởng nổi lên, và lại cúi đầu viết.

HƯƠNG MINH

(Hanoi — Juin 1938.)

SẼ XUẤT BẢN:

Ả Q CHÍNH TRUYỆN

của LỖ-ẤN, ĐẶNG-THÁI-MAI dịch

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

HỘI PHỤ-HUYNH HỌC-SINH VIỆT-NAM

Một tin mừng cho các phụ huynh học sinh thường quan tâm đến việc giáo dục con em, đó là «Hội Phụ Huynh Học Sinh» vừa được thành lập. Đã lâu người ta mong đợi một Đoàn thể như thế, góp liền lại giữa Gia đình và Học đường, để việc dạy dỗ con trẻ được săn sóc một cách chu đáo hơn xưa. «Hội Phụ Huynh Học Sinh» thành lập là một việc thích hợp với một nhu cầu xã hội và sẽ có thể có ảnh hưởng sâu xa đến nền giáo dục thanh niên. Chỉ còn mong ở sự hoạt động và óc vô tư của những người chủ trương.

NGHI định quan Thống Sứ Bắc Kỳ số 2622-A ngày 12 Mai 1943 đã cho phép **HỘI PHỤ-HUYNH HỌC-SINH VIỆT-NAM** hành động trong địa hạt Bắc Kỳ.

Mục đích **HỘI** là :

1. — Lập một đoàn thể gồm các phụ huynh học sinh và những người lưu tâm đến nền giáo dục nước nhà.

2. — Nối giây liên lạc giữa đoàn thể ấy với các nhân viên giáo, giới công, tư, để đạt tới một công cuộc hợp tác chặt chẽ và ích lợi.

3. — Săn sóc đến quyền lợi của học sinh, con em các hội viên.

4. — Khuyến khích sự học, sự lập thể thao và cổ động làm điều thiện trong giới học sinh. Đạt phần thưởng cho những học sinh nào xuất sắc về đức hạnh, về họ 'hành' hay thi cử có

kết quả tốt. Đặt thưởng-tặng vị nào tận tâm với nền giáo dục nước nhà.

5. — Giúp đỡ những hội viên túng thiếu không đủ tư cấp cho con theo học. Phát tiền trợ cấp hay nọc bổng cho những học sinh nào đáng.

6. — Hướng dẫn học sinh, con em các hội viên trong sự trọn nghề và nếu có dịp, hội sẽ giúp cho các học sinh ấy có việc làm.

Mỗi hội viên đóng mỗi năm 2p.

Không có lệ phí nhập hội.

N. B. — Ngai nào cần biết thêm điều gì về hội, xin lại hỏi Ô. ĐẶNG HẠNH KIÊN là hội-trưởng (ở phố Quan Thánh Hà-nội, giấy nói 616) hay Ô. NGUYỄN VĂN BÊ là thư ký của hội (Tham tá Nha Học Chính Đông Dương, cạnh trường Cao Đẳng, Boulevard Bobillot Hà-nội).

DANH-TỪ
▪ **KHOA HỌC** ▪
— **HOÀNG XUÂN HÂN** —

GIÁ : 4\$00 CƯỚC : 0\$47

Thư và ngân phiếu gửi về:

PHARMACIE NEYRET

47, Phố Trường Thi — Hanoi

PÉDOCA
vinaigre-cornichon

EN VENTE:

dans tous les grands
magasins d'alimentation

HANOI

N° 136, Boulevard A. Rousseau

Téléphone : 1663

Cuộc tiền-hóa của nền tư bản Âu-Tây

(Tiếp theo trang 12)

Đây không phải là chỗ bình phẩm về sự ích lợi hay tai hại của sự phân công nên tôi không bàn xem những lý lẽ trên đây có chính đáng hay không.

Chỉ đứng về địa vị khách quan và căn cứ vào thực tế, thì ta nên nhận rằng sự phân công đã thành một sự thật, một đặc điểm trong công cuộc tổ chức kinh tế hiện đại.

Sự phân công ấy đã gây một *mối liên lạc* *mật thiết* giữa những phần tử trong *xưởng thợ* giữa những giai cấp trong xã hội và giữa những khu vực trên hoàn cầu.

Adam Smith đã nhận rõ sự liên lạc, sự « *cộng tác* » bắt buộc ấy :

« Để làm một thứ đồ dùng cho một người thợ rất thường thôi mà phải cần đến bao nhiêu công việc khác nhau ! Ta không kể đến thứ mấy móc phức tạp như cái tàu của người lính thủy, cái cối xay của người xay bột hay cả đến cái máy dệt của người dệt vải, ta hãy xem đã phải tốn bao nhiêu công việc mới tạo thành được thứ khi cụ dân dị như là cái kéo mà người chần cừ dùng để tiền lông cừu. Thợ mỏ, thợ đắp lò để nung sắt, thợ dẫn củi thợ làm than để cho vào lò đúc sắt, thợ làm gạch, thợ nề thợ đúc sắt, thợ tiện, thợ rèn, thợ mài tất cả những người ấy đã phải hợp nghệ thuật riêng của mình để tạo thành đôi kéo.

Nếu chúng ta lại ngắm đến những bộ phận quần áo và đồ đạc của người chần cừ, cái áo lót mình bằng vải xô phủ trên da, đôi giày di dưới chân cái giường để ngủ lưng và tất cả các bộ phận cái giường ấy, cái sắt ở bếp để nấu thứ ăn, than dùng để thồi đã lôi ở lòng quả đất ra và đưa đến tận tay hắn, có nhẽ sau khi đã vận tải lâu ngày qua bể hay qua xứ nọ xứ kia ; rồi tất cả những đồ cần dùng trong bếp những cái đĩa bằng sứ hay bằng thiếc mà hắn dùng để chứa thứ ăn ; cùng tất cả những cái tay đã phải bận để làm bánh làm rượu làm cái cửa kính để cho ánh sáng và hơi nóng vào trong buồng nhưng ngăn cản gió và mưa, và tất cả khoa học cùng nghệ thuật để sáng tạo được thứ kính ấy nếu không thì tất cả các miền bắc cực chẳng có nơi nào là ăn ở tiện lợi được ; nói tóm lại

nếu xét đến tất cả các thứ đồ dùng và tất cả các thợ đã dùng để làm tất cả các thứ đồ, nếu ta nghĩ như thế thì ta hiểu rằng không nhờ sự giúp sức và hợp tác của mấy vạn người thì người dân nghèo nhất ở một nước văn minh không thể đủ sống được cả đến sống một cách ta vẫn tưởng tượng là dân dị và dễ dàng mà họ vẫn thường sống vậy »

Muốn hình-dung một cách rõ ràng sự liên-lạc do sự phân-công gây ra, ta có thể nói rằng một công-xưởng trong xã-hội tư-bản và, đại-cương, toàn-thể xã-hội ấy cùng xếp đặt như một bộ máy : mỗi phần-tử bộ máy chỉ có công-dụng làm một phận-sự ~~ở~~ nhưng phần nào cũng cần và cả các phần đều đoàn - kết « ăn-khớp » với nhau để thành một bộ máy phức-tạp có thể chạy được.

Như thế tất nhiên có cơ giới một bộ máy, một công-xưởng tư-bản hay toàn-thể xã-hội tư-bản cũng có những điều bất-liện của bộ máy : khi nao, một bộ-phận, hỏng vỡ thì tất cả bộ máy bị tê-liệt ; một công-xưởng tư-bản cũng bị ngừng-trệ mỗi khi một đám thợ chuyên môn nghĩ việc hay làm không kịp ; thường khi nào một ngành kinh-tế bị khủng-hoảng thì cuộc khủng-hoảng ấy dần lan ra khắp cả nền kinh-tế tư-bản.

Lí dụ người ta đã thấy sự hạ giá bắt đầu trong kỹ-nghệ chế tạo ô tô rồi sau các kỹ-nghệ làm sắt, làm kính, làm vải, v. v. bị ngừng trệ ; rồi sau cùng đến cả các kỹ-nghệ làm mỏ, kỹ-nghệ vận-tải, các nghề canh-nông cũng bị khủng-hoảng theo.

Đó là điều bất-lợi của lối tổ-chức phân-công của chế-độ tư-bản.

Nhưng trong lúc bình-thời nhờ sự tổ-chức hợp-lý theo lối phân-công, nền tư-bản có một sức sản-xuất mãnh-liệt vô cùng.

So sức sản-xuất ấy với sức sản-xuất của chế-độ phong-kiến, căn cứ vào canh-nông và tiểu công-nghệ thì ta thấy một sự cách-biệt cũng xa bằng sự cách-biệt giữa công-việc làm bằng máy và công-việc làm bằng tay.

Làm việc bằng tay làm cho sản-phẩm có một tính cách riêng và nhiều khi được đẹp và tốt.

Nhưng lối làm việc ấy vừa chậm vừa ít kết quả về số hàng sản-xuất, về *lượng*.

Trái lại, sự « hiệu-nghiệm » của lối tổ-chức tư-bản đã làm cho nhân-loại phải ngạc-nhiên. Trong thế-kỷ 19, nhờ lối tổ-chức ấy, sự sản-xuất đã qua một cuộc cách-mệnh và trong một trăm năm ấy, kinh-tế hoàn-cầu đã tiến một bước dài hơn trong cả giai-đoạn hai ba nghìn năm về trước.

Những nơi rừng-núi hoang vu đã nhờ chế độ tư bản khai hóa thành ra những nguồn lợi bất tuyệt; những cửa bầu chôn vùi giữa trái đất đã nhờ chế độ tư bản lôi kéo lên; trên những cánh đồng lầy trước kia chỉ lơ thơ vài túp lều của người chài lưới chế độ tư bản đã xây dựng những lâu đài, nguy nga, những thành-phố đông-dúc...

Đây là nói về phưng diện vật-chất, còn về phưng diện xã-hội « người » thì sau khi đã đập đổ các giòng quý-tộc lười biếng và hiếu chiến, chế độ tư bản đã làm thay đổi đời sống của toàn thể dân chúng « Từ những người nông nô được giải phóng nhưng bị trục hết đất đai và bị xua ra đường cái. . . từ bọn tôi tớ của chế độ phong kiến bị bọn quý tộc sa sút thải hồi, từ bọn dân thợ vô công đòi nghề quen y-lại và ăn, mày ngu mụoi và bần thủ, dưới nắng mưa của sự đói khát bị bệnh hủi bệnh dột cần rút nhiều hơn là ở trong những xưởng thợ bần-thủ nhất, từ những người ấy, giai cấp trưởng-giã của nền tư-bản đã làm thành những người thợ. Vẫn hay rằng họ thường chỉ là bọn vô-sản bị đánh đập, kiếm không đủ ăn, làm nhiều giờ dưới những luật-lệ khe-khắt đem tử-hình mà trừng-trị những cuộc phản-đối. Nhưng' dấu sảo họ cũng là những người có cái vinh-dự sống vì làm việc và những người, dưới sự cay-nghiệt của luật-pháp, đã nhờ sự đoàn-kết mà bắt đầu nếm được mùi tự do ».

Đó là câu của nhà lãnh-tụ xã-hội *Jean Jaurès* đã viết trong cuốn « *L'armée nouvelle* » (đội binh mới) đề tả sự thay đổi lớn lao trong lịch sử nhân-loại do chế độ tư-bản gây ra.

Đề có một ý-kiến rõ ràng hơn về sự « hiệu-nghiệm » của nền tư-bản, ông *Bourguin*, trong cuốn sách có giá-trị nhan đề là: « *Les systèmes socialistes et l'évolution économique* » (những thuyết xã-hội và sự tiến-hóa kinh-tế) đã cho ta biết mấy con số sau đây.

Kể cả toàn cầu năm 1800 trọng tải của tàu

thủy chỉ có hơn 6 triệu rưỡi tấn, một trăm năm sau (1900) tăng tới gần 25 triệu tấn ; Kể riêng về Hoa-Kỳ năm 1850 có tới 12 vạn xưởng kỹ-nghệ dùng tất cả non một triệu thợ, đến năm 1900 có hơn 51 vạn xưởng kỹ nghệ dùng tất cả gần 6 triệu thợ. Ở Anh và Pháp về cuối thế kỷ 19 đại đề kỹ nghệ cũng tiến nhanh như thế !

Cơ quan sản xuất đã nhiều, số hàng sản đã vì thế và vì máy móc tăng gấp, tất nhiên dân giàu thêm ; người ta đã tỉnh và thấy rằng chung bình lợi tức của một người dân các nước đại tư bản từ cuối thế kỷ 18 đến 1914 đã tăng : ở Pháp từ một lên 5, ở Hoa-Kỳ từ một lên 14 và ở Anh (vốn đã giàu sẵn từ cuối thế kỷ 18) từ 1 lên 2 phần 35.

Mà không phải riêng gì những nhà kỹ nghệ mới giàu thêm, cả đến các giai cấp cần lao cũng thấy đời sống của mình được dễ dàng hơn : nói riêng về nước Pháp thì từ 1806, đến 1900, tiền công thợ *tính theo giá bạc* (salaire nominal) tăng 128 phần trăm, trong khi ấy thì giá sinh-hoạt chỉ tăng có 36 phần trăm ; như thế tức là tiền công *thật* đã gần gấp đôi và, tức là cũng làm tăng ấy giờ người thợ Pháp cuối thế kỷ 19 đã mua được gần gấp đôi các thứ thực phẩm hoặc đồ dùng v. v. mà người thợ Pháp đã mua được hồi 1906.

Những con số trên đây do các nhà kinh tế học đã sưu tầm và công bố ra tỏ rằng câu nói thông thường « chế độ tư bản chỉ lợi cho giai cấp hữu sản » là một câu sai. Thật ra trong khi tiền công thợ tăng gấp hai thì tiền lời của nhà tư bản tăng gấp trăm gấp mười ; như thế có công bằng hay không đó là một vấn đề khác. Nhưng hãy đứng về toàn thể mà xét thì xã hội nào cũng có lợi nếu bước được, từ giai đoạn phong kiến và canh nông đến giai đoạn tư bản kỹ nghệ.

Tuy nhiên muốn vẽ cho bức tranh tư bản trong thế kỷ 19 được đầy đủ, ta cần phải thêm rằng trong khi sự sản xuất tiến hóa thì ta cũng thấy xuất hiện trong chế độ tư bản hai vết đen : là những cuộc khủng hoảng kinh tế và, nhất là ở đầu thế kỷ 19, sự bác tước các giai cấp cần lao.

Trong cả nửa thế kỷ 19, giai cấp lao động đã bị đàn áp và lợi dụng một cách khỗ sở : Làm việc nhiều, lương ít ; trẻ con đàn bà phải làm việc cả đêm và làm công việc nặng nhọc ; các nơi làm việc bần thủ hôi thối, luật lệ khắt khe v. v., đó là những điều mà các nhà

quan sát đã phải đau lòng nhận thấy trong hầu khắp các nơi vừa kỹ nghệ hóa ở Anh, Pháp, Bỉ. Chính những cảnh thương tâm ấy đã gây ra những phong trào thúc dục thợ thuyền đoàn kết và đã làm cho những chủ nghĩa xã hội nảy nở và bành trướng một cách nhanh chóng. Vấn đề giao thiệp giữa chủ và thợ đã thành một vấn đề gay go.

Mà đây không phải là bài tính đổ khó khăn độc nhất của xã hội tư bản: cùng với sự ta thán và yêu cầu của thợ thuyền, xã hội tư bản còn luôn luôn phải đối phó với các cuộc khủng hoảng về kinh tế.

Từ đầu thế kỷ 19 người ta nghiệm thấy rõ rằng cứ độ 7, tám hay 10 năm lại có một cuộc kinh tế khủng hoảng, trong thời kỳ đó, hàng hóa không bán được, các công xưởng phải phá sản, thợ thuyền thành thất nghiệp.

Những cuộc khủng hoảng ấy nhắc lại xuất một thể kỷ nay, một cách đều đặn như sự qua lại của một bộ máy. Hồi đầu, các thợ thuyền mất việc còn tỏ vẻ công phần bằng cách kéo nhau đến các công xưởng để đập phá máy móc mà họ cho là đã gây ra sự quẫn bách của họ. Nhưng sau dần người ta biết rằng các cuộc khủng hoảng là một trạng thái cố hữu của nền tư bản có thể biết trước mà không sao tránh được.

Những cuộc khủng hoảng ấy và sự tranh đấu giữa thợ thuyền và chủ là những bóng đen làm cho bức tranh tư bản trong thế kỷ 19 bớt phần lộng lẫy. Những bóng đen ấy đến giai đoạn sau này vẫn không mất mà chỉ tăng thêm, trong khi cả cơ giới nền tư bản Âu Tây đã bị chuyển lạc vì nhiều biến trạng mới mà tôi sẽ trình bày qua trong một số sau.

VŨ VĂN HIỀN

Sẽ đăng:

**Những biến-trạng mới
của Nền tư-bản kỹ-nghệ.**

SÁCH MỚI

Chúng tôi nhà i được:

1.) Khúc Đoạn-trường. Trích trong truyện Kiều luận nghĩa bình vãn của Bằng Văn, Xuân Diệu, Xuân Việt — « Người Việt » xuất bản Giá 0đ80.

2.) Danh-từ Khoa-học của Hoàng Xuân Hãn.

3.) Tập san năm 1943 của hội Khuyến Học Nam Kỳ.

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và vui lòng giới thiệu với bạn đọc T. N.

DƯ LUẬN CHÂN CHÍNH

(Tiếp theo trang 3)

những hành động ám muội những thủ-đoạn dè-hèn thì trái lại bất cứ lúc nào ta cũng phải can đảm nhiệt-liệt tan-thành và đánh-vực đem công bố lên nếu có thể được, những hành-vi cao-thượng hoặc những người cô khi-phách và công tâm mà dư-luận dui-mù đã bắt công kết án. Như thế dần dần, ý kiến chính đáng của ta, sử đoán hợp-lý của ta, như vết dầu trên mặt nước, lan dần ra và sẽ là ý-kiến, sử-đoán của người khác, của mọi người. Dần-dà ta đánh đổ cái dư-luận sai lầm và bất-chính. Một ngày kia tới, ta sẽ thành công: một dư luận chân-chính đã gây nên... Còn sự tàn bạo, còn một hà-chính nào mà đứng vững trước một dư-luận sáng-sắc, mạnh mẽ và cương quyết, không thể-lực lay chuyển. Bạo-quyền cũng như một kịch-sĩ, một diễn giả, « cảm thấy sự dự-dự và lạnh lùng của cử-lọạ. Tự nhiên mà sụp đổ. Không phải lâu gì... »

ĐỖ ĐỨC DỤC

CẢI CHÍNH

Trong bài « Rudo d Kipling nhằm... » đăng số trước:

trang 22: lỗi « bốn chữ » xin đọc là: « bốn chữ ».

trang 23: « François villon » xin đọc là « villon ».

trang 24: « par trop tendue » xin đọc là: « par trop tendue ».

Trong bài « Á Q » ký trước ở trang 20, cột 2, đoạn thứ 8, câu: « nhưng chỉ vì dọc đường còn có cái nguy hiểm « chặt đuôi sam » nên đành phải hoãn cuộc đi tỉnh. Và cậu Tri đành viết một bức thư theo thể cách lọng vàng v. v... », giòng chữ ngã thợ đã bỏ sót, nay thêm vào cho đúng nguyên văn.

Trong T. N. số 40, bài « Lửa bên trong »:

Trang 2, cột 2, giòng 20: « lòng thanh niên khi xưa phải mờ đi », xin đọc: lòng thanh niên phải mờ đi.

Trang 2, cột 2, giòng 24: « một thời nhân vì đua mà có danh vọng », xin đọc: một thời nhân vì a đua mà có danh vọng.

ĐƯƠNG IN;

CỔ HỌC TINH HOA

Ôn-Như NGUYỄN-VĂN-NGQC

và Tinh-Trai TRẦN-LÊ-NHÂN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

«đọc» sách mới

Danh-từ khoa-học H o à n g xuân Hãn soạn xuất bản ở Hà-nội. In lần thứ nhất năm 1942-XLIX — 192 tr.

Muốn rõ tính-cách quy-ên này, không gì bằng dẫn lời tác-giả.

«Quyền sách này không

phải là tự-diễn vì không có định nghĩa.

«Quyền sách này cũng không phải là sách dịch tiếng Pháp, vì muốn dịch trước hết phải có tiếng tương đương ở Pháp-ngữ và Việt-ngữ.

«Quyền sách này» chỉ một tập danh-từ của những ý khoa-học. Những ý ấy lấy Pháp ngữ làm gốc»

Sách có hai phần: một phần là danh-từ khoa-học, lấy tiếng Pháp làm gốc, xếp theo thứ tự A. B. C... giấy 192 trang; một phần là tựa với «Lời dẫn», giấy gót 50 trang. Tuy chỉ gọi là «lời dẫn» nhưng 50 trang này có thể gọi là một «cuốn sách» rất có giá-trị về Việt-ngữ.

Đọc qua quyền sách, dầu chưa tinh-hội hết được những đặc-điểm của nó đề mà phê-bình một cách «khoa-học» xong độc-giả ai ai cũng phải nhận thấy ngay ba điều:

1/ Quyền sách làm rất có công phu.

2/ Quyền sách làm có phương pháp.

3/ Quyền sách rất có ích cho tiền đồ Việt-ngữ và nhất là cho danh-từ khoa học nước nhà.

Làm có công phu, đó là một điều kiện tối-cần cho những loại sách danh-từ, tự-diễn, văn pháp vân vân... Vì muốn viết một quyền sách đứng-đầu về loại này, ngoài những sáng-kiến, người ta cần phải có khảo-cứu và nhất là kinh-nghiệm. Cho nên trong loại này, có những thứ Tác-phẩm không đáng kể là những sách làm đề-trục-lợi, đón phong-trào đề bán cho được nhiều, hay những bài luận-thuyết viết trong khi Tác-giả có một cảm hứng nhất thời, chưa kịp suy-sét, cân-thận.

Quyền danh-từ khoa học nay mới ra đời, nhưng tác-giả nó đã lưu tâm đến vấn đề này, từ khi còn du học ở Âu châu. Công khảo-cứu, công kinh-nghiệm trong khi đi học, trong khi giảng học và trong khi viết báo quốc-văn, trải bao năm nghĩ ngợi, «chứ không phải một giờ quan tâm đến việc này mà thôi».

Cho nên khi đọc đến câu Tác-giả viết ở tựa «Xin độc-giả lượng thứ, và xin độc-giả cũng thận trọng trong sự chỉ-trích» ta không thể không cảm động bởi cái giọng chân-thành tha thiết của một

tin-dò giốc lòng với đạo, đạo ấy là «khoa học», mà tin ngưỡng ấy là tin ngưỡng ở tiền đồ tổ-quốc vì «trong khi được tiếp-xúc với người trí thức năm châu», tác-giả tin rằng «người nước ta không phải vào hạng chột»

Có lòng tự tin như thế, nên không quản khó khăn làm một công cuộc mà chưa ai làm. Và cũng bởi vậy nên tác-giả rất thận-trọng, thận-trọng về công-phu đã dành lại còn thận trọng về phương-pháp.

Trái lại với đa số những người làm sách tự-diễn ở xứ ta, Tác-giả quyền danh-từ khoa học rất lưu-tâm đến phương-pháp. Chứng cứ hiển nhiên là tác-giả đã đề 50 trang dẫn giải phương-pháp của mình theo. Đó không những là một cách khiến cho người xem sách dễ hiểu sách, mà còn là một cách khiến cho người muốn phê-bình có căn-cứ mà nghị-luận. Mà nói rộng ra thì «lời dẫn» đó tức là phần lý-thuyết, mà phần danh-từ khoa-học tức là phần thực hành.

Chưa bàn đến phương-pháp của tác-giả có giá-trị thế nào, ta hãy nhận rằng tác-giả chủ trọng đến phương-pháp, đó đã là một đặc-điểm khiến cho quyền sách có giá-trị.

Là vì bất cứ làm công-cuộc gì, có phương-pháp mới mong tấn-bộ được. Huống chi quyền danh-từ khoa học là quyền sách «tiên phong» về loại này, thì vấn đề phương pháp lại càng quan trọng.

Và nhân có công phu như thế, có phương pháp như thế, nên quyền danh-từ khoa học sẽ rất có ích cho tiền đồ Việt-ngữ và khoa học nước nhà.

Một sự ích lợi trông thấy ngay là từ nay hễ ta viết về vấn đề khoa học, phải tìm chữ dùng thì đã có một dụng-cụ tiện: đã đành, vị tất, ta đã đồng ý với tác-giả về tất cả những chữ ở trong quyền danh-từ, nhưng dầu sao ta cũng đỡ công tìm kiếm.

Hồi nữa quyền danh-từ khoa học sẽ làm một «căn-cứ» chắc chắn để cho những cuộc thảo-luận về danh-từ khoa học sau này khỏi sa vào chỗ viển-vông, quá thiên về lý-thuyết. Ai cũng biết chuyện hội đồng chuột của thi sĩ La Fontaine. Bàn thì ai cũng phải, nhưng đến công việc đeo chuông vào cổ mèo thì không ai chịu đảm nhận.

Trong cuộc biện-luận về danh-từ khoa học, tác-giả quyền sách mới ra đời đây đã có công «đeo chuông vào cổ mèo».

[P. Q.]

Thống-chế Pétain đã nói:

«Hỡi các bạn thân quý, hãy đuổi sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và cố bỏ những lời phỉ-báng chua-chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc-Trưởng yếu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông tố.»

VIỆC QUỐC TẾ:

I. — Ở Đông-Dương

Trại Thanh-niên Khương-Hạ. — Trống vụ nghỉ hè năm nay những trại thanh-niên mọc lên như nấm. Ấu cũng là một dịp tránh bom và tránh nóng ở vài nơi thành thị trong mùa viêm nhiệt.

Đáng chú ý nhất là trại thanh niên của anh em trong Tổng hội sinh viên tổ chức tại làng Khương Hạ thuộc về Đại lý Hoàn long (Hà nội). Chúng tôi đã có dịp về thăm các bạn ở một nhà trại mát mẻ của một tư gia cho mượn. Tất cả có 12 sinh viên do bạn Dương đức Hiền, hội trưởng hội sinh viên, làm trại trưởng. Con số 12 người thực là quá ít ỏi so với số sinh viên đủ các ban ở trường Đại học! Có nhẽ vì sự sống trong trại khắc khổ lắm chăng? Chúng tôi cũng nhận thấy điều đó và tự hỏi sao các bạn không mượn ít nhiều cách tổ chức của Hướng Đạo sinh làm cho cuộc sống ở trại (trại giữa giờ) vui lên một chút và khác hẳn cuộc sống hàng ngày ở nơi thành thị. Vẫn biết công cuộc của anh em hoàn toàn có tính cách vị tha nhưng thiết tưởng một đôi khi cũng phải nghĩ đến sinh, và tự huấn luyện phải đâu không nên có trong một cuộc cắm trại! Dù sao vì số người ít mà sự hoạt động của anh em cũng giảm bớt một phần không nhỏ. Một buổi sáng chẳng hạn, kết cục anh em chỉ làm một việc khám bệnh phát thuốc cũng đủ hết thì giờ, số người ốm đau ngại nói bao giờ cũng đông vô cùng.

Xong, cứ kể ra cuối một việc chữa bệnh và giảng giải những điều vệ sinh thường thức cho dân quê cũng đã là một công lao đáng quý của anh em rồi. Huống chi các bạn lại còn chịu khó điều tra cách sinh hoạt của dân quê để hiểu biết họ hơn, và, nghe bạn trại trưởng nói, rồi sẽ tổ chức những cuộc nói chuyện vui vẻ và thân mật về những vấn đề thiết thực (vệ sinh, canh nông v. v.) với hương chức và nhất là với một số thanh niên có tâm huyết ở trong làng.

Như vậy cái kết quả về tinh thần sẽ không nhỏ; anh em sẽ làm được một việc mà chúng tôi hằng tha thiết trông mong, việc đập đổ cái hàng rào ghê kỵ giữa dân quê và đám thanh niên tân học. Sự bất tín nhiệm của dân quê đối với chúng ta chẳng đã là một trở lực lớn trong sự tiến hóa của xứ này đó sao?

Chúng tôi rất tán thành công cuộc của 12 bạn trên đây và đặt rất nhiều hy vọng ở anh em trong Tổng hội sinh viên trường Đại học. Nhưng chúng tôi không khỏi thở dài tự hỏi gần kia anh em liệu có đủ để lấp kịp cái hố sâu giữa đám dân quê thanh niên trí thức xứ này, trong khi một số

giới khác cũng tân học chuyên làm ngược lại là khơi rộng hố kia ra?

Theo thông cáo của chính phủ, ngày 8 và 10 juillet cả sáng lẫn chiều, phi cơ Trung Mỹ có ném bom xuống Hải phòng và Hòn gay, tổng cộng chừng hơn 40 người chết và ngót 100 người bị thương. Ngày 11 và 12 juillet lại có ném bom ở vùng Lao Kay và Vịnh Hạ Long thuộc địa phận đạo quan binh thứ ba.

II. — Trên Thái-Bình-Dương

Từ 30 Jun quân Mỹ đổ bộ ở mấy đảo Rendova, Nouvelle-Georgie, Robiana ở vùng quần đảo Salomon phía Bắc Nouvelle Guinée. Nhưng không quân Nhật-Bản tấn-công rất dữ ở những nơi quân địch đổ bộ và làm cho họ thiệt hại rất nhiều.

Như thế là lại một trận Salomon nữa thêm vào số ba trận Salomon năm ngoái, thành ra vượt hẳn cái nhẽ « quá tam b » của cổ-văn, hoặc-giả đề xoay ra cái kể « thất cầm Mãnh-Hoạch » (bảy lần bắt Mãnh-Hoạch) của Khổng Minh xưa chăng?

III. — Cuộc Âu-Chiến.

Ở khắp Bắc-Phi cho tới Cận-Đông quân Anh-Mỹ tập-trung rất nhiều, có đến 44 sư đoàn bộ binh và 20 sư-đoàn chiến xa cùng nhiều sư đoàn quân nhảy dù, lại có cả hạm đội Hoa-Kỳ qua eo biển Gibraltar vào giúp hạm đội Anh ở Địa trung-hải. Cuộc sửa-soạn đổ bộ rất gắng gỏi, hành-binh trước k, « lá thu rộng », theo lời thủ-tướng Churchill Chợt có tin sáng sớm 10 Juillet thủy-lục-không quân Anh-Mỹ tấn công vào đảo Sicile. Thế là mở màn một hồi mới. Các cơ-quan phòng-thủ rất mạnh trên đảo đã lập tức ứng-chiến và cuộc xung-đột tiếp tục, đến chiều 10 Juillet thì quân Anh-Mỹ đã chiếm được một dải bờ biển ở Đông-Nam Sicile dài 150 cây số trong đó có như trường bay như trường bay Catane, một thành phố lớn nhất ở vùng này.

Nhưng cách đó từ năm hôm trước, ngày 5 Juillet mặt trận Nga đột nhiên trở nên dữ-dội vô cùng. Nga tấn-công ở khu Veluiki - Luki (gần phía Bắc) và ở khu Kouban (Caucase), nhưng cuộc tấn-công mùa hè ác liệt nhất, không biết tự bên nào khởi trước, là ở khu Trung-Ương trên một chiến tuyến dài tới 300 cây số từ Bielgorod tới Orel giữa khoảng đường từ Orel đến Kharkov. Đó là một trận chiến-xa kinh-khủng ngoại sức tưởng-tượng của mọi người. Đức báo tin Nga bị thiệt tới hơn một nghìn chiến xa và cũng hàng nghìn phi-cơ, nhưng trận-thể vẫn còn gay go mấp mờ chưa ngã về bên nào mặc dầu quân Đức đã chọc thủng phòng-tuyến của Hồng-Quân ở vài nơi.

Viết ngày 12 Juillet 1943

ĐỖ - ĐỨC - DỤC



LOẠI SÁCH VĂN HÓA

MỘT CÓ BÁN:

ĐỜI SỐNG THÁI CỒ

Quyển II trong bộ

HÀN-THUYỀN

71, Tien-Tsin,

HANOI

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

ĐÃ XUẤT BẢN:

NHÂN LOẠI TIỀN HÓA SỬ

của NGUYỄN BẠCH KHOA

Giá 1\$80

GỐC TÍCH NÀO NGƯỜI

của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Giá 1\$80

ỐC KHOA HỌC

của P. N. KHUÊ

Giá: 2\$20

Mua một cuốn gửi tiền về trước, thêm 0\$40 cước.

SÁCH GIÁ TRỊ

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

của PHAN-VĂN-HÙM

Giá 2\$80

TRIẾT HỌC EINSTEIN

của NGUYỄN-ĐÌNH-THI

Giá 2\$30

THI HÀO TAGORE

của NGUYỄN-VĂN-HAI

Giá 4\$80

LUẬN TÙNG

“Tủ sách TÂN-VIỆT”

Giá 1\$50

Nhà xuất bản **TÂN-VIỆT**

29, Lamblot -- HANOI

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$00 mua

VÉ SỔ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG

BÁO THANH-NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG
CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN
CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 1^{er} Août 1943

- Người Tây-phương hiểu người Tây-phương
- Quyền lãnh-sự tài-phán của liệt-cường ở Trung-Hoa
- Tổ-chức hiện-thời của nền kinh-tế Đông-Dương.
- Danh-văn ngoại-quốc
- Nhẽ tương-đối trong Khoa-học
- Tình-hình kỹ nghệ Đông-Dương trong hai năm vừa qua
- Xã hội Việt Nam từ thế kỷ thứ 17
- Cuộc tiên-hóa của nền, tự-bản Âu tây
- Rudyard Kipling nhảm: Đông và Tây thật ra đã nhiều lần
gặp nhau.
- Hai tấm vé sổ (tiếp theo)

ĐÌNH GIA TRINH

THANH TUYỀN

ĐỖ ĐỨC DỤC

LÊ HUY VĂN

NGUYỄN XIÊN

VŨ ĐÌNH HỘ

NGUYỄN TRỌNG KHẮN

VŨ VĂN HIỀN

VŨ BỘI LIÊU

NGUYỄN TUÂN

CHU Ý. — Tòa-soạn và Ban Trị-sự **BÁO KHOA-HỌC** đã dọn lại 214 Phố Hàng Bông Hanoi

Autorisé par arrêté du Gouverneur général du 1^{er} Mai 1939. N° 3089.